

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học
Ngành Marketing, mã ngành 7340115**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/5/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 1835/QĐ-ĐHDL ngày 22/10/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định thẩm định, đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 639/QĐ-ĐHDL ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định biên soạn, rà soát và điều chỉnh đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-ĐHDL, ngày 21/11/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quyết định xây dựng "Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Marketing";

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-ĐHDL ngày 29/11/2024 của Trường Đại học Điện lực về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing - mã ngành 7340115;

Căn cứ Biên bản số 398/BB-ĐHDL, ngày 28/02/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Điện lực về việc thông qua chương trình đào tạo ngành Marketing của Khoa Quản trị kinh doanh và Du lịch;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing, mã ngành 7340115 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Marketing, mã ngành 7340115 có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường các đơn vị: Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Quản trị kinh doanh và Du lịch và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐT (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để t/h);
- Lưu: VT, QLĐào tạo, Anhlv (01).



★ **Đinh Văn Châu**

Phụ lục
BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH MARKETING
MÃ NGÀNH 7340115

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41.4./QĐ-ĐHDL, ngày 04 tháng 3 năm 2025
của Trường Đại học Điện lực)*

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học

Tên tiếng Việt	: Marketing
Tên tiếng Anh	: Marketing
Mã ngành đào tạo	: 7340115
Trình độ đào tạo	: Đại học
Thời gian đào tạo	: 04 năm
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp	: Bằng Cử nhân
Tên đơn vị cấp bằng	: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 796/QĐ-KĐCL ngày 23 tháng 8 năm 2023 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo: ngày 12/12/2024

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEO)

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo người học có sức khỏe tốt, có phẩm chất chính trị, tự chủ và trách nhiệm, có ý thức phục vụ nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; kiến thức toàn diện theo định hướng ứng dụng, kiến thức chuyên sâu về marketing, chú trọng marketing số và hội nhập quốc tế; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức công việc thuộc lĩnh vực Marketing; khả năng giao tiếp hiệu quả; khả năng học tập suốt đời; có khả năng xác định và giải quyết các vấn đề trong chuyên môn; có khả năng sáng tạo, thích nghi môi trường làm việc; có đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- **PEO1:** Kiến thức cơ bản và chuyên môn toàn diện, khả năng ứng dụng và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Marketing.
- **PEO2:** Khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giải quyết các vấn đề chuyên môn, thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực Marketing.
- **PEO3:** Đạo đức và trách nhiệm trong công việc, có thái độ tích cực và ý thức phục vụ cộng đồng.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Marketing

3.1. Chuẩn đầu ra

PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	
PLO1	Vận dụng kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học cơ bản, khoa học xã hội, công nghệ thông tin; sử dụng ngoại ngữ để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề liên quan đến Marketing.
PLO2	Vận dụng kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong hoạch định Marketing và các hoạt động kinh doanh; giải quyết các vấn đề liên quan đến Marketing.
Kỹ năng	
PLO3	Tư duy phản biện, tư duy hệ thống, đổi mới sáng tạo, tổ chức và quản lý hoạt động Marketing trong doanh nghiệp.
PLO4	Tổ chức làm việc nhóm hiệu quả, vận dụng được KPI trong doanh nghiệp; sử dụng kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong triển khai các hoạt động tác nghiệp marketing của doanh nghiệp. Hình thành kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động Marketing tại doanh nghiệp.
PLO5	Đạt tối thiểu bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc tương đương; khả năng sử dụng tiếng anh tốt trong công việc.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO6	Tự chịu trách nhiệm và tự chủ trong công việc trên cơ sở đạo đức nghề nghiệp và bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại.

3.2. Chỉ báo cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

PLOs	PIs	Nội dung chỉ báo	Trọng số
PLO1	I1.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về toán và thống kê để tối ưu hóa các bài toán kinh tế trong tình huống Marketing của doanh nghiệp.	30%
	I1.2	Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, chính trị, kinh tế và pháp luật để giải quyết những vấn đề về kinh doanh và Marketing.	50%
	I1.3	Đạt tối thiểu trình độ tin học ở mức “Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản” theo Thông tư 03-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông.	20%
PLO2	I2.1	Vận dụng những kiến thức cơ bản để lập kế hoạch, tổ chức và vận hành hệ thống marketing trong doanh nghiệp.	20%
	I2.2	Phân tích hoạt động tác nghiệp trong Marketing để đề xuất hoạt động cải tiến, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.	30%
	I2.3	Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Marketing để triển khai các hoạt động Marketing như: nghiên cứu thị trường; thiết kế sản phẩm mới; tổ chức kênh phân phối; xây dựng thương hiệu; truyền thông cho thương hiệu, sản phẩm và công ty; bán hàng và phát triển thị trường;... trong thời đại kinh tế số.	50%

PLOs	PIs	Nội dung chi báo	Trọng số
PLO3	I3.1	Khả năng tư duy hệ thống, phản biện và đề xuất phương án xử lý các tình huống trong hoạt động Marketing một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.	40%
	I3.2	Kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Marketing của doanh nghiệp.	40%
	I3.3	Năng lực xây dựng kế hoạch Marketing, thực hiện triển khai các quyết định Marketing trong thực tiễn kinh doanh với bối cảnh thời đại kinh tế số.	20%
PLO4	I4.1	Vận dụng tốt kỹ năng làm việc nhóm, thực hiện được các KPI của doanh nghiệp.	30%
	I4.2	Sử dụng kỹ năng giao tiếp và truyền tải thông tin hiệu quả với các bên liên quan trong triển khai các hoạt động marketing.	20%
	I4.3	Vận dụng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu để hình thành phương pháp và kỹ năng vận dụng hoạt động Marketing số trong thực tiễn.	30%
	I4.4	Hình thành ý tưởng và kế hoạch thực hiện hoạt động Marketing và quản trị Marketing trên cơ sở vận dụng sức mạnh công nghệ, kinh doanh số.	20%
PLO5	PI5.1	Sử dụng ngoại ngữ mức độ cơ bản thành thạo với 4 kỹ năng đạt yêu cầu của trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6	50%
	PI5.2	Sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành tốt (tương đương bậc 3/6 trở lên) để khai thác tài liệu, giao tiếp, vận dụng linh hoạt các ứng dụng sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực Marketing nhằm hỗ trợ tốt công việc.	50%
PLO6	I6.1	Hình thành năng lực làm việc chủ động, độc lập, tự định hướng hoạt động quản trị Marketing với tinh thần trách nhiệm cao để trở thành doanh nhân, nhà lãnh đạo, chuyên gia trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nói chung, Marketing nói riêng.	30%
	I6.2	Hình thành năng lực đánh giá chuyên môn, tự chịu trách nhiệm với công việc được giao trên cơ sở KPI được giao và dựa trên các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và sự tuân thủ quy định của pháp luật trước các bên liên quan.	30%
	I6.3	Hình thành ý thức và năng lực về đảm bảo chất lượng, hiệu quả quản lý các nguồn lực trong thực hiện các hoạt động Marketing, đổi mới sáng tạo và luôn có tinh thần phục vụ cộng đồng.	40%

4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing (mã ngành: 7340115) trang bị cho sinh viên tốt nghiệp những năng lực và điều kiện cần thiết để đáp ứng đa dạng nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, sinh viên hoàn toàn có thể chuyển đổi được vị trí công việc nếu như đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng về phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với công việc

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí tại 05 nhóm công việc, cụ thể như sau:

- **Nhóm 1:** Chuyên viên marketing và thương hiệu, chuyên viên sáng tạo, chuyên viên nghiên cứu thị trường, bán hàng, truyền thông và định giá, phân phối trong môi trường thực và môi trường internet trong mọi loại hình doanh nghiệp, các tổng công ty, các tập đoàn, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tài chính – ngân hàng, tổ chức xã hội, quỹ đầu tư...

- **Nhóm 2:** Trưởng phòng (khi có đủ kinh nghiệm và các tiêu chuẩn) của bộ phận chức năng marketing, truyền thông.

- **Nhóm 3:** Nhân viên tại các phòng/ban Marketing của các doanh nghiệp; hoặc tại các cơ quan quản lý giá của Nhà nước như Sở Tài chính, Bộ Tài chính; cơ quan chính quyền các cấp.

- **Nhóm 4:** Giám đốc marketing (khi có đủ kinh nghiệm và các tiêu chuẩn), giám đốc thương hiệu, quản lý bộ phận xúc tiến bán hàng tại cơ quan quản lý nhà nước.

- **Nhóm 5:** Giảng viên hoặc nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực Marketing ở các cơ sở đào tạo (các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề); các viện nghiên cứu, các trung tâm...

5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Marketing có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm bằng tốt nghiệp đại học của các ngành, lĩnh vực theo qui định hiện hành tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

Tham gia các khóa học bồi dưỡng nâng cao và trình độ.

6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam (hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên);

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

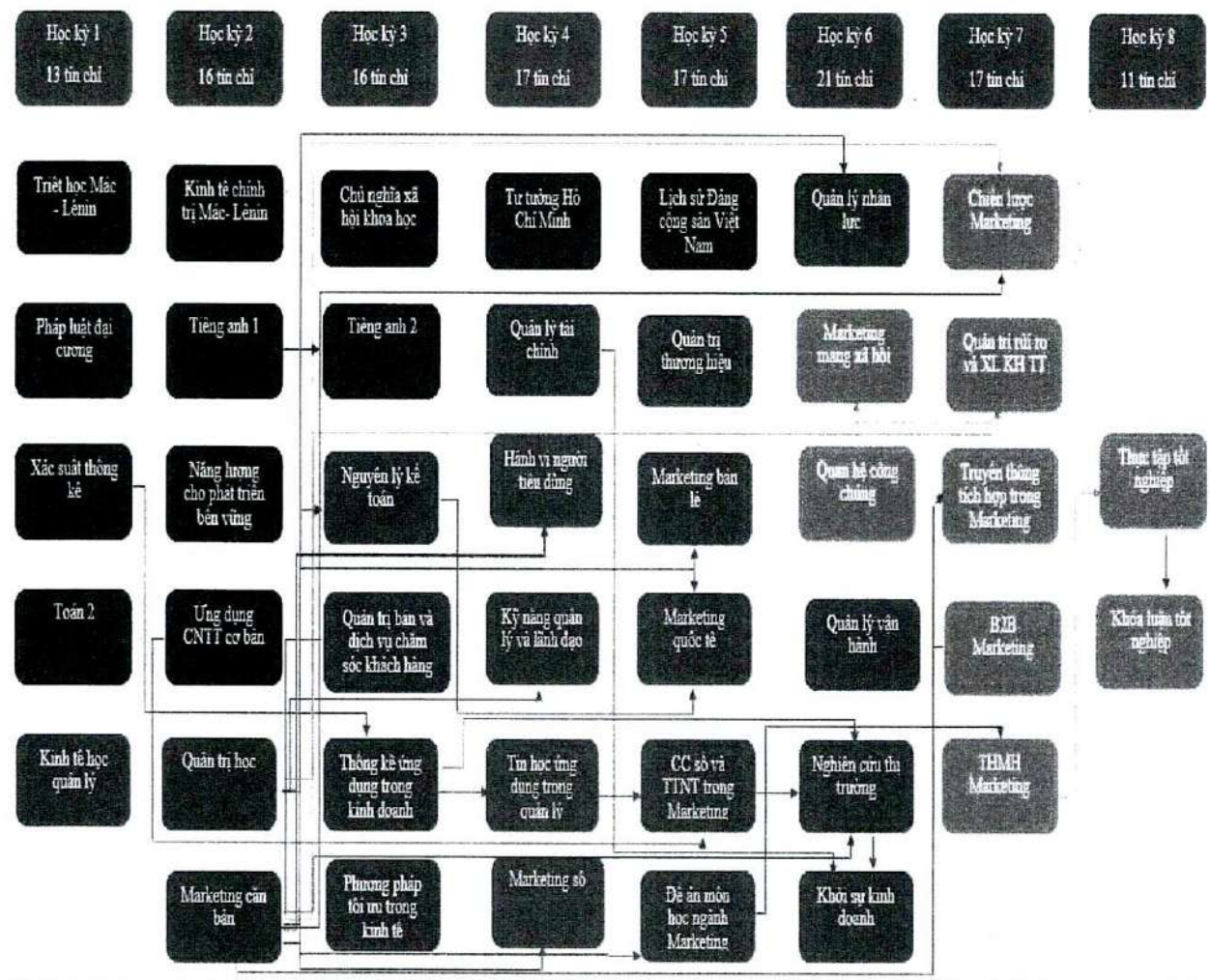
- Đáp ứng các điều kiện khác của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT).

- Không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Chương trình đào tạo ngành Marketing gồm có 128 tín chỉ (Không bao gồm khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo



Chú thích:

Giáo dục đại cương

Cơ sở ngành

Ngành

Chuyên ngành

Tiên quyết: →

9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình

(Mỗi chuẩn đầu ra được đánh số thứ tự từ 1 đến n. Mức độ đóng góp được mã hóa theo 3 mức đánh giá: Mức 1: Thấp; Mức 2: Trung bình; Mức 3: Cao)

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)						Tổng điểm	Số CDR
				1	2	3	4	5	6		
I	Chứng chỉ		15								
	Giáo dục quốc phòng 1	004342	3	3					2	5	2
	Giáo dục quốc phòng 2	004343	2	3					2	5	2
	Giáo dục quốc phòng 3	004344	2	3					2	5	2
	Giáo dục quốc phòng 4	004345	4	3					2	5	2
	Giáo dục thể chất 1	000801	1						2	2	1
	Giáo dục thể chất 2	000808	1						2	2	1
	Giáo dục thể chất 3	000813	1						2	2	1
	Giáo dục thể chất 4	000816	1						2	2	1
II	Kiến thức giáo dục đại cương		31								
II.1	Toán và các môn KH cơ bản										
1	Toán cao cấp 2	004546	3	2						2	1
2	Xác suất thống kê	003657	2	2		1				3	2
II.2	Khoa học chính trị, pháp luật và xã hội										
1	Triết học Mác - Lênin	001924	3	2		1			1	4	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	003925	2	3		1			1	5	3
3	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	2	2		1			1	4	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	2	2		1			2	5	3
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	2	1		1			1	3	3
6	Pháp luật đại cương	002018	2	3		1			3	7	3
II.3	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	3	3				1	1	5	3
II.4	Ngoại ngữ cơ bản										
1	Tiếng Anh 1	003137	4	2				3	1	6	3
2	Tiếng Anh 2	004549	4	2				3	1	6	3
II.5	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	2	1	2				3	6	3

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)						Tổng điểm	Số CDR
				1	2	3	4	5	6		
III	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97								
III.1	Kiến thức cơ sở ngành		24								
	<i>Các môn chung theo lĩnh vực</i>		12								
1	Kinh tế học quản lý	005218	3	2		1		1	1	5	4
2	Quản lý tài chính	002208	3	2		2		1	1	6	4
3	Nguyên lý kế toán	001838	3	1	1		1			3	3
4	Thông kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	3	3		1		2	1	7	4
	<i>Các môn chung theo nhóm ngành</i>		9								
5	Quản trị học	002244	3	2		1	2	1	1	7	5
6	Marketing căn bản	001671	2		2	1	2			5	3
7	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	2	2	1	2		2	1	8	5
8	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	3	2	1	1	3		2	9	5
9	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	002222	2		2		2		1	5	3
III.2	Kiến thức ngành		39								
	<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>		33								
1	Quản lý nhân lực	002173	4	3	3	2	2		2	12	5
2	Tin học ứng dụng trong quản lý	003319	3	2				2		4	2
3	Quản trị vận hành	004728	4	2	2	2	1	1		8	5
4	Khởi sự kinh doanh	004722	3	2			1	3	2	8	4
5	Quản trị thương hiệu	003891	3	2	1	1	1			5	4
6	Hành vi người tiêu dùng	004874	3		1		1		2	4	3
7	Marketing quốc tế	005222	3		2	2	1	1	2	8	5
8	Marketing số	004858	3		1	1		3	1	6	4
9	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	005215	3	1	2	1		3	1	8	5
10	Nghiên cứu thị trường	005223	4	2	1		2	1	1	7	5
	<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>		3								
11	Quản lý chiến lược	004871	4	1	2	1	2		2	8	5
12	Phân tích kinh doanh	004695	3	1	1	1	1		1	5	5
13	Marketing bán lẻ (Môn chọn)	005219	3		2	1	2		1	6	4

TT	Nội dung kiến thức/tên học phần	Mã HP	TC	Chuẩn đầu ra (PLO)						Tổng điểm	Số CDR
				1	2	3	4	5	6		
14	Luật kinh tế	001506	2	2	1		1		2	6	4
15	Thương mại điện tử	003103	3		1	1	1	2	1	6	5
	<i>Thực hành, thực tập</i>		3								
16	Đề án môn học ngành Marketing	005216	3	2	2	2	1	2	2	11	6
III.3	Kiến thức chuyên ngành		27								
	<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>		19								
1	B2B Marketing	005213	3	1	2	1	2		1	7	5
2	Marketing mạng xã hội	005221	3	1	2		1	2	1	7	5
3	Quan hệ công chúng	005224	3	2	2	1	2		1	8	5
4	Truyền thông tích hợp trong Marketing	005228	3		2	2	2		1	7	4
5	Chiến lược Marketing	005214	3	1	2	2	2		2	9	5
6	Thực hành môn học Marketing	005226	4		3		2	1	2	8	4
	<i>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>		4								
7	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông (Môn chọn)	005225	4	2		2	2		1	7	4
8	Quản lý chất lượng	004725	4		1	1				2	2
9	Quản lý dự án	004727	4		1		2	2	1	6	4
10	Marketing dịch vụ	005220	2		2	1	2	1	1	7	5
11	Quản lý mua hàng	004873	4		2		1	1	1	5	4
III.4	Thực tập tốt nghiệp	005227	4	1	2	2			2	7	4
III.5	Khóa luận tốt nghiệp	005217	7	1	3		1		2	7	4
	Cộng	50	128								

10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành.

11. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, ... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Kiến thức giáo dục đại cương	12	31	24.22%	
1	Giáo dục thể chất				Chứng chỉ
2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh				Chứng chỉ
3	Khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	7	15	11.72%	
4	Ngoại ngữ	2	8	6.25%	
5	Khoa học tự nhiên	2	5	3.91%	
6	Công nghệ thông tin	1	3	2.34%	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	37	90	70.31%	
1	Kiến thức cơ sở ngành	9	24	18.75%	
1.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	9	24	18.75%	
1.1.1	Bắt buộc	9	24	18.75%	
1.1.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
1.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00%	
1.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
1.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
2	Kiến thức ngành	16	39	30.47%	
2.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	15	36	28.13%	
2.1.1	Bắt buộc	10	33	25.78%	
2.1.2	Tự chọn	5	3	2.34%	
2.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	3	2.34%	
2.2.1	Bắt buộc	1	3	2.34%	
2.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	

STT	Nội dung kiến thức	Số học phần	Số TC	Tỷ lệ %	Ghi chú
3	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	11	23	17.97%	
3.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	10	19	14.84%	
3.1.1	Bắt buộc	5	15	11.72%	
3.1.2	Tự chọn	5	4	3.13%	
3.2	Các học phần thực hành, thực tập.	1	4	3.13%	
3.2.1	Bắt buộc	1	4	3.13%	
3.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
4	<i>Kiến thức chuyên sâu đặc thù</i>	0	0	0.00%	
4.1	Các học phần lý thuyết, hỗn hợp	0	0	0.00%	
4.1.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
4.1.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
4.2	Các học phần thực hành, thực tập.	0	0	0.00%	
4.2.1	Bắt buộc	0	0	0.00%	
4.2.2	Tự chọn	0	0	0.00%	
5	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	1	4	3.13%	
III.	Khóa luận tốt nghiệp	1	7	5.47%	
	Cộng	50	128	100%	

12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	GDDC	Không có	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
2	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0	GDDC	Không có	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
3	1	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	GDDC	Không có	Tự luận/TN/ Vấn đáp	2	KHTN
4	1	004546	Toán cao cấp 2	3	45	0	GDDC	Không có	Tự luận/ TN/ Vấn đáp	2	KHTN
5	2	005218	Kinh tế học quản lý	3	45	0	CSN	Không có	TN/Tự luận	2	QTKD&DL
6	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	GDDC	003923	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
7	2	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0	GDDC	Không có	Hỗn hợp	2	NN
8	2	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2	30	0	GDDC	Không có	BCCD/ TN/ Vấn đáp	1	NLM
9	2	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	39	12	GDDC	Không có	TN	2	CNTT
10	2	002244	Quản trị học	3	45	0	CSN	Không có	TN/ Tiểu luận	2	QTKD&DL
11	2	004342	Giáo dục quốc phòng 1	3	37	8	CC	Không có	Tự luận	2	TT GDTC-QPAN
12	2	004343	Giáo dục quốc phòng 2	2	22	8	CC	Không có	Tự luận	1	TT GDTC-QPAN
13	2	004344	Giáo dục quốc phòng 3	2	14	16	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
14	2	004345	Giáo dục quốc phòng 4	4	4	56	CC	Không có	Thực hành	2	TT GDTC-QPAN
15	2	000801	Giáo dục thể chất 1	1	5	20	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
16	2	000808	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
17	2	000813	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
18	2	000816	Giáo dục thể chất 4	1	0	30	CC	Không có	Thực hành	1	TT GDTC-QPAN
19	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	CSN	Không có	Tự luận/ TN	2	QTKD&DL
20	3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	GDDC	003923, 003925	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
21	3	004549	Tiếng Anh 2	4	60	0	GDDC	003137	Tự luận	2	NN
22	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	CSN	Không	TN	2	KT-TC
23	3	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	30	30	CSN	003657	Tiểu luận/ TN	2	QTKD&DL
24	3	004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	30	0	CSN	Không	Tự luận	1	QTKD&DL
25	4	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	30	0	CSN	001671	Tự luận	2	QTKD&DL
26	4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	GDDC	003923, 003925, 003926	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
27	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	CSN	Không	TN	2	QTKD&DL
28	4	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3	45	0	CSN	002244	Tiểu luận	2	QTKD&DL
29	4	003319	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	30	30	Ngành	004547, 002208, 001852	Thực hành	2	QTKD&DL
30	4	004874	Hành vi người tiêu dùng	3	30	30	Ngành	002244, 001671	Tự luận	2	QTKD&DL
31	5	004858	Marketing số	3	45	0	Ngành	001671	Tự luận	2	QTKD&DL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
32	5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	GDDC	003923, 003925, 003926, 003505	TN/ Tự luận/ Vấn đáp/ Tiểu luận	2	LLCT&PL
33	5	003891	Quản trị thương hiệu	2	30	0	Ngành	001671	Tự luận	1	QTKD&DL
34	5	005222	Marketing quốc tế	3	45	0	Ngành	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
35	5	005215	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong Marketing	3	30	30	Ngành	001671	Tiểu luận/ Tự luận	2	QTKD&DL
36	5	005219	Marketing bán lẻ	3	45	0	Ngành	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
37	6	005216	Đề án môn học ngành Marketing	3	0	90	Ngành	001671	BCCĐ	0	QTKD&DL
38	6	002173	Quản lý nhân lực	4	45	30	Ngành	002244	Tiểu luận	2	QTKD&DL
39	6	004728	Quản lý vận hành	4	45	30	Ngành	002244	Tự luận	2	QTKD&DL
40	6	004722	Khởi sự kinh doanh	3	30	30	Ngành	001981	Tiểu luận	2	QTKD&DL
41	6	005223	Nghiên cứu thị trường	4	45	30	Ngành	Không có	Tiểu luận/ BCCĐ/ Tự luận	2	QTKD&DL
42	6	005221	Marketing mạng xã hội	3	45	0	CN	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
43	7	005224	Quan hệ công chúng	3	45	0	CN	Không có	Tự luận	2	QTKD&DL
44	7	005213	B2B Marketing	3	45	0	CN	001671	Tiểu luận	2	QTKD&DL
45	7	005228	Truyền thông tích hợp trong Marketing	3	45	0	CN	001671	Tiểu luận/Tự luận	2	QTKD&DL
46	7	005214	Chiến lược Marketing	4	60	0	CN	Không có	Tiểu luận	2	QTKD&DL
47	7	005226	Thực hành môn học Marketing	4	0	120	CN	001671, 004720	BCCĐ	1	QTKD&DL
48	8	005225	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	60	0	CN	002244	Tiểu luận/ BCCĐ/ Tự luận	2	QTKD&DL
49	8	005227	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	CN	005226	BCCĐ	1	QTKD&DL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	Khối kiến thức	MH tiên quyết	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
50	8	005217	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	210	CN	005227	BCCĐ	1	QTKD&DL
51	0	004871	Quản lý chiến lược	4	60	0	Ngành		TN	2	QTKD&DL
52	0	004695	Phân tích kinh doanh	3	30	30	Ngành	004557	Tiểu luận	2	QTKD&DL
53	0	001506	Luật kinh tế	2	30	0	Ngành	Không có	TN	2	QTKD&DL
54	0	003103	Thương mại điện tử	3	45	0	Ngành	002244, 001671	TN	2	QTKD&DL
55	0	004725	Quản lý chất lượng	4	45	30	CN	002244, 004728	Tiểu luận	2	QTKD&DL
56	0	004727	Quản lý dự án	4	45	30	CN	001981	Tiểu luận/ Vấn đáp	2	QTKD&DL
57	0	005220	Marketing dịch vụ	2	30	0	CN	001671, 003885	Tự luận	2	QTKD&DL
58	0	004873	Quản lý mua hàng	4	45	30	CN	001671, 002244	Tự luận	2	QTKD&DL

13. Mô tả tóm tắt các học phần

13.1. Triết học Mác - Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3TC

Học phần gồm 3 chương cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin, bao gồm:

- Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.
- Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

13.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2TC

Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, về kinh tế hàng hoá, thị trường và nền kinh tế thị trường cũng như các quy luật kinh tế cơ bản trong nền kinh tế thị trường, học thuyết về giá trị thặng dư của C Mác, về quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, vấn đề công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay. Từ đó người học vận dụng những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, hình thành ở người học niềm tin và ý thức tuân thủ theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

13.3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2TC

Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

13.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (1991) đã ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”. Do đó, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh các bạn có một nền tảng vững chắc cho tư duy lý luận đúng đắn, có một phương pháp luận cách mạng, khoa học để sinh viên học tập tốt các môn chuyên ngành cũng như sau này trong quá trình công tác của bản thân.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

13.5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam Mã môn học: 003928 TC: 2TC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là 1 trong 5 môn Lý luận chính trị được giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy kiến thức.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là cả một pho lịch sử bằng vàng”. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ đó vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

13.6. Pháp luật đại cương Mã môn học: 002018 TC: 2TC

Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác.

Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: hiến pháp, hình sự, dân sự, hành chính, phòng chống tham nhũng...

13.7. Tiếng Anh 1 Mã môn học: 003137 TC: 4TC

Học phần củng cố những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ ở bậc 2/6 (Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam); cung cấp, rèn luyện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ hướng người học đạt được năng lực tương đương bậc 3/6 (Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam). Bên cạnh đó, học phần trang bị cho người học kỹ năng tương tác, làm việc theo cặp, theo nhóm; phát triển thái độ học tập tự chủ, và tư duy phản biện đáp ứng được yêu cầu của môi trường học tập kết hợp (Blended-learning) trong thời đại công nghệ số.

13.8. Tiếng Anh 2 Mã môn học: 004549 TC: 4TC

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cho sinh viên chính quy Đại học Điện lực nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra trình độ tương đương bậc 3/6 (KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đã được quy định theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/1/2014 của Bộ GD-ĐT) gồm 15 nội dung. Mỗi nội dung bao gồm: ngữ pháp, ngữ âm và các nội dung thực hành toàn diện 4 Ngữ dụng, nói, đọc, viết thông qua các bài học đa dạng về chủ đề và loại hình bài tập.

13.9. Xác suất thống kê Mã môn học: 003657 TC: 2TC

Học phần được chia làm hai phần:

Phần Lý thuyết xác suất: trình bày những kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất bao gồm các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên, các đặc trưng của biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối của biến ngẫu nhiên, từ đó hiểu được tính quy luật của các hiện

tượng ngẫu nhiên. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

Phần Thống kê toán: sử dụng các công cụ toán cao cấp và lý thuyết xác suất để nghiên cứu những kiến thức cơ bản về thống kê bao gồm cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, các phương pháp ước lượng tham số và bài toán kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Áp dụng giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế, kỹ thuật và thực tế.

13.10. Toán cao cấp 2

Mã môn học: 004546

TC: 3TC

Học phần giúp sinh viên hiểu được những kiến thức nền tảng ban đầu của Giải tích thực một biến và nhiều biến: giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, tích phân, tích phân suy rộng, tích phân bội, tích phân đường, chuỗi số, chuỗi hàm, phương trình vi phân và ứng dụng các kiến thức này để giải một số bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

13.11. Năng lượng cho phát triển bền vững Mã môn học: 004552 TC: 2TC

Học phần gồm các nội dung: Các chính sách phát triển năng lượng, xu hướng chuyển dịch năng lượng trên thế giới và Việt Nam; Các khái niệm cơ bản về hệ thống năng lượng; Nhu cầu sử dụng năng lượng; Các cơ quan quản lý năng lượng Việt Nam; Cấu trúc hệ thống điện Việt Nam; Sơ đồ quản trị các nhà máy điện, công nghệ sản xuất điện và các phương pháp lưu trữ điện năng; Khái niệm về biến đổi khí hậu và phát triển năng lượng bền vững bảo vệ môi trường.

13.12. Ứng dụng CNTT cơ bản

Mã môn học: 004547

TC: 3TC

Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản là một học phần mang tính ứng dụng, nội dung học phần được xây dựng theo các các mô đun quy định tại Khoản 1 Điều 2 về “Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản” của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ thông tin và truyền thông.

13.13. Kinh tế học quản lý

Mã môn học: 005218

TC: 3TC

Kinh tế học quản lý là học phần chung được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành kinh tế, quản lý. Học phần là môn học định lượng quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Kiến thức của môn học liên quan đến nhiều môn học đi sau của nhiều ngành nghề khác nhau như tài chính ngân hàng, quản trị kinh doanh, marketing...

Học phần gồm ba phần. Phần đầu tiên giới thiệu chung về kinh tế học. Phần tiếp theo cung cấp các kiến thức về kinh tế học vi mô như cầu – cung, lý thuyết hành vi dùng, lý thuyết về sản xuất, các cấu trúc thị trường và hành vi của doanh nghiệp, cạnh tranh phi giá và các nội dung giới thiệu về các công ty đa quốc gia. Phần cuối cung cấp một số kiến thức căn bản về kinh tế học vĩ mô như các khái niệm, phương pháp đo lường một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản, giới thiệu khái quát một số mối quan hệ trên thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô chủ yếu.

13.14. Quản lý tài chính

Mã môn học: 002208

TC: 3TC

Học phần Quản lý tài chính là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về quản lý tài chính trong doanh nghiệp: như giá trị thời gian của tiền, cách xác định giá trị của cổ phiếu trái phiếu, xác định chi phí sử dụng vốn dài hạn của doanh nghiệp và cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư; từ đó, xây dựng, tính toán và thẩm

định để đưa ra quyết định tài chính đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp và đảm bảo an toàn về mặt tài chính.

13.15. Nguyên lý kế toán

Mã môn học: 001838

TC: 3TC

Học phần Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung, các nguyên tắc kế toán các phương pháp kế toán, hạch toán được các quá trình cơ bản: quá trình mua hàng, quá trình sản xuất, quá trình tiêu thụ; hiểu và vận dụng được cách lập chung về hai báo cáo tài chính cơ bản, hiểu các hình thức sổ kế toán và vận dụng trong công tác kế toán doanh nghiệp

13.16. Thống kê ứng dụng trong kinh doanh Mã môn học: 004557 TC: 3TC

Thống kê ứng dụng trong kinh doanh là học phần chung được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành kinh tế, quản lý. Học phần là môn học định lượng quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về điều tra, tổng hợp, phân tích và dự đoán thống kê. Kiến thức của môn học được vận dụng cho trong nhiều môn học đi sau của nhiều ngành nghề khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thu thập, tổng hợp, trình bày dữ liệu thống kê liên quan đến các vấn đề trong kinh doanh; trình bày các phương pháp, các kỹ năng tính toán, phân tích, dự báo, suy diễn từ số liệu, dữ liệu thu thập được.

13.17. Quản trị học

Mã môn học: 002244

TC: 3TC

Quản trị học là học phần chung được giảng dạy cho các khối ngành kinh tế, quản lý. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản trị được vận dụng cho nhiều nghề nghiệp khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh.

Học phần cung cấp những khái niệm chung về quản trị, các nội dung về nhà quản trị, môi trường quản trị, các tư tưởng quản trị và các lý thuyết liên quan đến bốn chức năng cơ bản của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Đồng thời, học phần đề cập đến các nội dung căn bản trong việc ra quyết định, văn hóa tổ chức. Việc hiểu biết các nội dung trên cùng với nắm vững các nguyên lý cơ bản của bốn chức năng quản trị sẽ giúp người học vận dụng hiệu quả vào công việc liên quan tới quản trị trong tổ chức, doanh nghiệp.

13.18. Marketing căn bản

Mã môn học: 001671

TC: 2TC

Học phần giới thiệu cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như hệ thống thông tin Marketing, nghiên cứu marketing và môi trường marketing. Từ đó, người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng - thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Sau cùng học phần sẽ tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: Sản phẩm; Giá cả; Kênh phân phối và Truyền thông marketing nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp trong việc thực hiện các công việc liên quan hoạt động Marketing.

13.19. Phương pháp tối ưu trong kinh tế Mã môn học: 004723 TC: 2TC

Học phần giúp sinh viên nắm được và vận dụng kiến thức cơ bản về phương pháp tối ưu trong kinh tế quản lý. Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng mô hình hóa và

kỹ thuật giải bài toán tối ưu; các công cụ giúp người học giải các bài toán tối ưu. Sau khi kết thúc học phần sinh viên, có khả năng tự nghiên cứu tình huống thực tế tại doanh nghiệp để mô hình hóa tình huống và sử dụng phần mềm ứng dụng giúp xác định phương án tối ưu hỗ trợ cho nhà quản lý ra quyết định.

13.20. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo Mã môn học: 004691 TC: 3TC

Học phần kỹ năng quản lý và lãnh đạo cung cấp kiến thức về nền tảng kinh doanh của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý và kỹ năng cần thiết; làm việc nhóm hiệu quả; lãnh đạo và tạo động lực trong công việc; và giải quyết vấn đề và ra quyết định. Học phần bao gồm 5 nội dung chính: Nền tảng kinh doanh của doanh nghiệp; Nhà quản lý và các kỹ năng cần thiết; Làm việc nhóm và quản lý nhóm hiệu quả; Lãnh đạo và tạo động lực; Giải quyết vấn đề và ra quyết định

13.21. Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng Mã môn học: 002222 TC: 2TC

Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng cung cấp các kiến thức cơ bản, các khái niệm, các nguyên tắc, phương pháp tổ chức... trong hoạt động bán hàng, quản trị kênh bán hàng và dịch vụ chăm sóc khách hàng. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức tổng quan về quản trị quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, dịch vụ khách hàng, chăm sóc khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng.

13.22. Quản lý nhân lực Mã môn học: 002173 TC: 4TC

Quản lý nhân lực là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành Quản trị kinh doanh và kinh tế quản lý nói chung. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản lý nhân lực trong tổ chức.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, thách thức và các hoạt động của quản lý nguồn nhân lực như hoạch định nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, tuyển dụng và lựa chọn nhân lực quan hệ lao động và cách quản lý xung đột, bố trí sử dụng, đãi ngộ và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức...

Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế giúp người học có thể lên kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng quy trình tuyển dụng, lựa chọn nhân lực, các chính sách đãi ngộ, duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức, xây dựng thiết kế hệ thống thông tin nguồn nhân lực, ứng dụng của hệ thống thông tin nguồn nhân lực trong quản lý nguồn nhân lực, từ đó nhận thức được những thách thức mới đặt ra trong công tác quản lý nguồn nhân lực hiện nay tại các doanh nghiệp.

13.23. Tin học ứng dụng trong quản lý Mã môn học: 003319 TC: 3TC

Môn học giúp sinh viên nắm được và vận dụng kiến thức cơ bản về excel và ứng dụng của excel trong lĩnh vực kinh tế. Môn học giúp cho sinh viên hình thành kỹ năng sử dụng excel, vận dụng excel vào trong hoạt động thống kê kinh tế trong quản lý của doanh nghiệp, tính toán các chỉ số tài chính kế toán trong quản lý doanh nghiệp. Có khả năng tự tìm hiểu, chủ động tìm hiểu và đánh giá cập nhật những công cụ xử lý, tính năng mới của excel.

13.24. Quản lý vận hành Mã môn học: 004728 TC: 4TC

Học phần Quản lý tác nghiệp cung cấp kiến thức về nền tảng hệ thống vận hành sản xuất của doanh nghiệp, kiến thức về quản lý vận hành và kỹ năng cần thiết ; giải quyết vấn đề sản xuất và ra quyết định vận hành hệ thống sản xuất. Học phần bao gồm 9 nội dung chính liên quan đến các quyết định quan trọng trong quản lý vận hành: Tổng quan về sản xuất; dự báo ; chiến lược quá trình ; chiến lược địa điểm, thiết kế mặt bằng ; hoạch định tổng hợp ; hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu ; quản trị dự trữ ; kiểm soát và lên thời biểu sản xuất.

13.25. Khởi sự kinh doanh

Mã môn học: 004722

TC: 3TC

Khởi sự kinh doanh là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành Quản trị kinh doanh và kinh tế quản lý nói chung. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về khởi nghiệp kinh doanh. Kiến thức của môn học được giúp người học vận dụng khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh.

Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về khởi sự kinh doanh cho sinh viên: Tư duy khởi nghiệp kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh, hình thành, đánh giá và lựa chọn ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, triển khai tạo lập doanh nghiệp và các hoạt động kinh doanh, các nguồn lực cho doanh nghiệp mới.

13.26. Quản trị thương hiệu

Mã môn học: 003891

TC: 3TC

Học phần cung cấp những khái niệm chung, các nội dung liên quan đến quản trị thương hiệu. Việc thực hiện tốt quản trị thương hiệu sẽ giúp tổ chức, doanh nghiệp đạt được mục tiêu chung với hiệu quả cao. Môn học gồm 5 chương như sau : Một số vấn đề chung về thương hiệu ; Xây dựng thương hiệu ; Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu ; Bảo hộ thương hiệu ; Chương 5: Quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh.

13.27. Hành vi người tiêu dùng

Mã môn học: 004874

TC: 3TC

Phần lớn những thành công về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có liên quan đến những nỗ lực nhằm chiếm lĩnh những nhóm khách hàng mục tiêu trên cơ sở hiểu biết và thoả mãn những nhu cầu và mong muốn của họ. Học phần Hành vi người tiêu dùng tập trung vào giới thiệu các lý thuyết khoa học về hành vi người tiêu dùng và vai trò của nghiên cứu hành vi người tiêu dùng, nghiên cứu những nhóm yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng trong quá trình mua sắm và sử dụng sản phẩm. Trên cơ sở đó thảo luận việc ứng dụng những hiểu biết hành vi người tiêu dùng vào quá trình ra quyết định về các chính sách và công cụ marketing trong thực tiễn.

13.28. Marketing quốc tế

Mã môn học: 005222

TC: 3TC

Marketing Quốc tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trong bối cảnh quốc tế, bao gồm nghiên cứu thị trường, chiến lược xâm nhập thị trường, và xây dựng chiến lược marketing quốc tế.

Học phần giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của các yếu tố môi trường, văn hóa, và đạo đức đối với marketing quốc tế, đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng giao tiếp, ứng dụng công nghệ thông tin và phân tích thị trường trong bối cảnh kinh doanh toàn cầu. Từ đó, sinh viên sẽ có khả năng xây dựng chiến lược marketing hiệu

quả, phù hợp với xu hướng quốc tế hóa và chuyển đổi số.

13.29. Marketing số

Mã môn học: 004858

TC: 3TC

Học phần cung cấp những khái niệm chung, các nội dung liên quan đến marketing số. Việc thực hiện tốt quản trị marketing số sẽ giúp tổ chức, doanh nghiệp đạt được mục tiêu chung với hiệu quả cao. Người học được trang bị các kiến thức về hành vi khách hàng trong thương mại điện tử, các công cụ nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch theo đặc thù marketing số, các nội dung về chào hàng điện tử, giá và cạnh tranh trong môi trường trực tuyến, phân phối trong môi trường trực tuyến và các xây dựng nội dung truyền thông xúc tiến thương mại trực tuyến.

13.30. Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing

Mã môn học: 005215

TC: 3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về các khái niệm, tầm quan trọng và sự phát triển các công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing; giới thiệu các ứng dụng công cụ số và trí tuệ nhân tạo để sinh viên có thể vận dụng vào các hoạt động marketing như nghiên cứu thị trường, phân khúc khách hàng, chăm sóc khách hàng, định giá, thiết kế nội dung truyền thông, tối ưu việc trả phí quảng cáo trực tuyến và tối ưu hóa công cụ tìm kiếm.

13.31. Nghiên cứu thị trường

Mã môn học: 005223

TC: 4TC

Nghiên cứu thị trường là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần là môn học quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về nghiên cứu thị trường.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu thị trường; các giai đoạn trong quy trình nghiên cứu thị trường; cách thức tiến hành cụ thể của từng giai đoạn trong công tác nghiên cứu thị trường cũng như xây dựng một báo cáo kết quả nghiên cứu thị trường. Từ đó, người học có thể hiểu nghiên cứu thị trường như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế và xu thế hội nhập quốc tế trên thế giới hiện nay. Học phần tập trung nghiên cứu sâu về quy trình của nghiên cứu thị trường bao gồm thiết kế dự án nghiên cứu; chọn mẫu nghiên cứu; phân tích định tính; phân tích định lượng của nghiên cứu thị trường.

13.32. Quản lý chiến lược

Mã môn học: 004871

TC: 4TC

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạch định chiến lược, xây dựng nhiệm vụ chiến lược, phân tích môi trường kinh doanh, đánh giá năng lực của doanh nghiệp, các mô hình phân tích chiến lược, xây dựng các cấp chiến lược của doanh nghiệp, các biện pháp thực hiện đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Đặc biệt là xây dựng chiến lược các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử trong bối cảnh hội nhập khu vực, toàn cầu hóa.

13.33. Phân tích kinh doanh

Mã môn học: 004695

TC: 3TC

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp cho học viên những nội dung kiến thức bao gồm: Tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí kinh doanh, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích lợi nhuận, phân tích tình

hình tài chính của doanh nghiệp và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả đó nhằm tìm hiểu bản chất và nguyên nhân để có thể đề xuất các biện pháp khắc phục.

13.34. Marketing bán lẻ (Môn chọn) Mã môn học: 005219 TC: 3TC

Học phần Marketing bán lẻ cung cấp kiến thức về các chiến lược, công cụ, và kỹ thuật tiếp thị dành riêng cho ngành bán lẻ. Sinh viên sẽ học cách xây dựng trải nghiệm mua sắm hiệu quả, quản lý quan hệ khách hàng, và phân tích xu hướng tiêu dùng nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động tiếp thị bán lẻ.

13.35. Luật kinh tế Mã môn học: 001506 TC: 2TC

Nội dung môn học Luật kinh tế được biên soạn theo chương trình khung dành cho hệ đại học, cao đẳng đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo tính liên thông giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Bao gồm những nội dung cơ bản sau đây: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hoạt động kinh doanh; Chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh; Hợp đồng trong hoạt động kinh doanh; Phương thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh; Giải thể; Phá sản Doanh nghiệp và Hợp tác xã làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu môn học khác. Phổ biến những quy định của pháp luật thực định trong một số lĩnh vực như: Luật đầu tư; Luật doanh nghiệp; Luật thương mại; Luật bảo vệ người tiêu dùng; Pháp luật thuế ...

13.36. Thương mại điện tử Mã môn học: 003103 TC: 3TC

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử, các quy trình kinh doanh; xác định các cơ hội của thương mại điện tử; bản chất quốc tế của thương mại điện tử, thanh toán điện tử, các công cụ marketing trong môi trường thương mại điện tử, các rủi ro và cách phòng tránh rủi ro trong thương mại điện tử, Cung cấp các phương pháp tích hợp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh; các chiến lược phát triển website thương mại điện tử; quản lý thực hiện dự án thương mại điện tử.

13.37. Đề án môn học ngành Marketing Mã môn học: 005216 TC: 3TC

Học phần Đề án môn học ngành Marketing là một học phần thực hành nhằm giúp sinh viên áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn thông qua việc triển khai dự án theo nhóm. Sinh viên sẽ tham gia vào quá trình phân tích thị trường, xây dựng chiến lược Marketing Mix, và triển khai các kế hoạch thực tế. Trong suốt quá trình, sinh viên được hướng dẫn sử dụng các công cụ Marketing hiện đại, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và tư duy chiến lược. Học phần này không chỉ rèn luyện khả năng tự chủ, trách nhiệm mà còn giúp sinh viên thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực Marketing.

13.38. B2B Marketing Mã môn học: 005213 TC: 3TC

Học phần B2B Marketing tập trung vào việc nghiên cứu các chiến lược và hoạt động tiếp thị giữa các doanh nghiệp. Khác với B2C Marketing, B2B Marketing tập trung vào việc tạo ra giá trị cho các doanh nghiệp, tổ chức thông qua các sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp.

Học phần B2B marketing giúp sinh viên nắm bắt được hoạt động marketing giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là sự khác biệt giữa hoạt động marketing đối với người tiêu

dùng so với hoạt động marketing giữa các doanh nghiệp. Đồng thời, sinh viên cũng sẽ vận dụng được những lý thuyết để phân tích các tình huống cụ thể của doanh nghiệp liên quan đến hoạt động marketing với tổ chức.

13.39. Marketing mạng xã hội **Mã môn học: 005221** **TC: 3TC**

Học phần Marketing mạng xã hội cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành cần thiết để sử dụng các nền tảng mạng xã hội trong việc xây dựng và triển khai chiến lược marketing. Sinh viên sẽ học cách khai thác công cụ số, phân tích dữ liệu, thiết kế nội dung hấp dẫn, và đo lường hiệu quả của các chiến dịch marketing trên mạng xã hội.

13.40. Quan hệ công chúng **Mã môn học: 005224** **TC: 3TC**

Học phần này được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về quan hệ công chúng (PR). Trọng tâm của học phần nhấn mạnh vai trò của quan hệ công chúng trong doanh nghiệp/tổ chức. Ngoài ra, học phần xem xét quan hệ công chúng là một chức năng quản trị chiến lược. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên quy trình lập kế hoạch, phát triển, thực hiện và đánh giá hiệu quả chương trình quan hệ công chúng. Những nguyên lý thu được từ các học thuyết về truyền thông và quan hệ công chúng sẽ được kiểm tra và xem xét làm thế nào chúng có thể được ứng dụng bởi các chuyên gia quan hệ công chúng trong việc lập kế hoạch và thực hiện thành công các chương trình trong công ty, tổ chức phi lợi nhuận và cả các cơ quan của chúng phủ. Trong môn học này cũng xem xét vai trò của quan hệ công chúng như là một bộ phận cấu thành của một chương trình truyền thông marketing tích hợp.

Đây là học phần chuyên sâu cho ngành marketing và đặc biệt là chuyên ngành Truyền thông marketing. Đồng thời, học phần này cũng là tài liệu tham khảo bổ ích cho sinh viên các ngành Quản trị kinh doanh/Kinh tế.

Học phần được cấu trúc cho 3 tín chỉ với một bài kiểm tra giữa học kỳ, một bài tập nhóm và một bài thi kết thúc học phần. Bài tập nhóm sẽ được trình bày trong những tuần cuối cùng của học kỳ

13.41. Truyền thông tích hợp trong Marketing **Mã môn học: 005228** **TC: 3TC**

Truyền thông tích hợp trong Marketing là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần là môn học quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về truyền thông marketing tích hợp và quản trị hoạt động này, nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu và chiến lược marketing của doanh nghiệp.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về truyền thông marketing tích hợp; quá trình truyền thông marketing và các nhân tố ảnh hưởng, phát triển chiến lược sáng tạo, triển khai phối hợp các công cụ truyền thông đại chúng, các công cụ truyền thông cá nhân và đánh giá hiệu quả marketing tích hợp.

13.42. Chiến lược Marketing **Mã môn học: 005214** **TC: 4TC**

Học phần Chiến lược Marketing cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu về cách xây dựng và quản lý các chiến lược marketing hiệu quả trong bối cảnh kinh doanh hiện đại.

Sinh viên sẽ được trang bị:

- Khả năng phân tích môi trường kinh doanh, thị trường và khách hàng để đưa ra quyết định chiến lược phù hợp.
- Kiến thức về các mô hình và công cụ chiến lược như: SWOT, BCG để hoạch định và triển khai chiến lược marketing.
- Kỹ năng thực hiện chiến lược marketing hỗn hợp (4P, 7P), phát triển thương hiệu, và ứng dụng marketing kỹ thuật số.
- Tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với các thay đổi của thị trường, giúp doanh nghiệp tạo lợi thế cạnh tranh bền vững.

13.43. Thực hành môn học Marketing Mã môn học: 005226 TC: 4TC

Học phần Thực hành môn học Marketing tập trung vào việc áp dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn thông qua các hoạt động nghiên cứu thị trường, xây dựng chiến lược Marketing, quản trị thương hiệu, và triển khai các công cụ Digital Marketing. Sinh viên sẽ thực hiện các dự án thực tế, phân tích tình huống doanh nghiệp, và đề xuất giải pháp Marketing sáng tạo.

Ngoài ra, học phần rèn luyện kỹ năng báo cáo, thuyết trình và làm việc nhóm, giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện và năng lực thực hành, chuẩn bị hành trang tốt cho sự nghiệp trong ngành Marketing.

13.44. Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông Mã môn học: 005224 TC: 3TC

Học phần cung cấp những khái niệm chung, các nội dung liên quan đến marketing số. Học phần quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing. Học phần là môn học quan trọng, trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng về quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông, giúp cho người học có thể xử lý được những khủng hoảng trong chiến lược truyền thông, chiến dịch quảng cáo không hiệu quả, thậm chí là sự thiếu quản lý từ bộ phận truyền thông.

Học phần quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông là học phần trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng và phương pháp đánh giá, đo lường và kiểm soát rủi ro trong công tác truyền thông đồng thời có những ứng xử linh hoạt đối với các loại khủng hoảng trong truyền thông nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp nhất để bảo vệ hoạt động Marketing và giá trị của doanh nghiệp.

13.45. Quản lý chất lượng Mã môn học: 004725 TC: 4TC

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng trong các tổ chức cung ứng sản phẩm và dịch vụ. Sinh viên có khả năng áp dụng các kỹ thuật đánh giá chất lượng; các phương pháp, kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng, các phương pháp cải tiến và nâng cao chất lượng trong tổ chức, doanh nghiệp. Hiểu và triển khai chức năng chất lượng – Quality Function Deployment. Sinh viên cũng nắm được các kiến thức cơ bản và có khả năng triển khai hệ thống quản lý chất lượng ISO trong doanh nghiệp và tổ chức

13.46. Quản lý dự án Mã môn học: 004727 TC: 4TC

Học phần giới thiệu các vấn đề cơ bản về dự án, quy trình quản lý dự án, cấu trúc

phân công công việc, xây dựng cấu trúc phân công công việc, ngân sách, tài chính cho dự án, lập kế hoạch và tiến độ dự án, tổ chức dự án, kiểm soát dự án, quản trị rủi ro của dự án, quản lý dự án, ứng dụng phần mềm Microsoft Project để thực hiện các nghiệp vụ trong quản lý dự án.

13.47. Marketing dịch vụ

Mã môn học: 005220

TC: 2TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động Marketing trong doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ. Những nội dung lớn của học phần gồm: các khái niệm, đặc trưng của dịch vụ và marketing dịch vụ, sự phát triển của dịch vụ; các vấn đề liên quan đến hành vi khách hàng trong kinh doanh dịch vụ, 7 công cụ marketing hỗn trong các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ; định vị và cấu trúc dịch vụ; đo lường và đánh giá chất lượng dịch vụ.

13.48. Quản lý mua hàng

Mã môn học: 004873

TC: 4TC

Học phần quản lý mua hàng cung cấp kiến thức và một số kỹ năng cơ bản như sau: Nhận diện các loại khách hàng; Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động nâng cao hiệu quả công tác mua hàng trong sản xuất dịch vụ. Với mục tiêu có chi phí thấp nhất; Thực hiện các nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng; Kỹ năng về kiến thức đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp và xây dựng quan hệ bán hàng bền vững

Học phần bao gồm 4 nội dung chính: Mục tiêu của tổ chức về quản lý mua hàng; Các biến số mua hàng; Ứng dụng vào triển khai quá trình mua hàng; Hệ thống mua hàng và cách thức kiểm soát hiệu suất và hiệu quả

13.49. Thực tập tốt nghiệp

Mã môn học: 005227

TC: 4TC

Thực tập tốt nghiệp Marketing là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên ngành Marketing nói chung. Học phần là môn học đóng vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên tìm hiểu và áp dụng kiến thức Marketing đã học vào thực tế tại doanh nghiệp.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chung về các lĩnh vực Marketing và quản trị Marketing trong doanh nghiệp theo hướng đề cương và cách trình bày kiến thức từ thực tiễn vào nội dung báo cáo thực tập tốt nghiệp bao gồm các lĩnh vực hoạt động Marketing trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, mục đích học phần thực tập tại doanh nghiệp là tạo điều kiện cho sinh viên:

- Hiểu được thực tế công việc và hoạt động Marketing và quản trị Marketing tại doanh nghiệp

- Làm quen với môi trường làm việc và học hỏi tác phong làm việc cũng như một số kỹ năng của nhân viên làm việc trong lĩnh vực quản trị, thí dụ cách thức giao tiếp, thu thập xử lý thông tin bằng cách phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu văn bản, khả năng làm việc theo nhóm ...

- Viết một báo cáo thực tập tốt nghiệp về hoạt động Marketing trong doanh nghiệp, lựa chọn một vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực Marketing làm khoá luận tốt nghiệp

13.50. Khóa luận tốt nghiệp

Mã môn học: 005217

TC: 7TC

Khóa luận tốt nghiệp Marketing là học phần chuyên ngành được giảng dạy cho sinh viên các khối ngành Marketing nói chung. Học phần là môn học đóng vai trò quan

trọng trong quá trình chuẩn bị tốt nghiệp ra trường của sinh viên, trang bị cho sinh viên tìm hiểu và áp dụng kiến thức ngành Marketing đã học vào thực tế tại doanh nghiệp.

Học phần giúp sinh viên hệ thống hóa lý luận chung về các nội dung thuộc các lĩnh vực quản trị Marketing và Marketing số trong doanh nghiệp, phản ánh thực trạng hoạt động Marketing trong đơn vị thực tập từ đó đưa ra các giải pháp kiến nghị phù hợp có tính chất thực tiễn, hoàn thành khóa luận tốt nghiệp làm cơ sở đánh giá kết quả học tập cuối cùng trước khi tốt nghiệp.

13.51. Giáo dục thể chất Mã môn học: 000801, 000808, 000813, 000816

TC: 4TC

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHĐL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học. Chương trình cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội cho sinh viên với tinh thần, thái độ tự giác, tích cực. Giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân. Biết được một số nội dung cơ bản về lý luận và phương pháp thể dục thể thao, y học thể thao, sinh lý học vận động, kiến thức về phương pháp tập luyện, rèn luyện thể chất một số môn thể thao cơ bản.

13.52. Giáo dục quốc phòng Mã môn học: 000785, 000788, 000791, 003788 TC:

11TC

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học. Chương trình cung cấp những kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Bước đầu làm quen với tác phong, nề nếp, các chế độ sinh hoạt, học tập trong môi trường quân đội, có ý thức tổ chức kỷ luật.

14. Điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo

14.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

Khoa Quản trị kinh doanh và du lịch bao gồm 02 bộ môn: Bộ môn Quản trị kinh doanh và bộ môn Quản trị du lịch. Hiện khoa có tổng số khoảng 33 cán bộ, giảng viên, trong đó 4 Phó giáo sư (tỷ lệ 12%) và 16 Tiến sĩ (tỷ lệ 49%), 13 thạc sĩ (tỷ lệ 39%). Bên cạnh đội ngũ cơ hữu của Khoa, tham gia giảng dạy CTĐT còn có nhân sự của các Khoa và Phòng/ban khác trong Trường. Dưới đây là bảng nhân sự tham gia giảng dạy CTĐT:

Bảng 1: Đội ngũ giảng viên cơ hữu chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo/ có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu, Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp	
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Thị Việt Ngọc, 13/09/1982	036182028168		Tiến sĩ, 2023	QTKD	01/09/2010		0108035234	14	0	1
2	Nguyễn Thị Vân Anh, 18/01/1981	001181011206		Tiến sĩ, 2021	Quản trị nhân lực	15/10/2007		0112081687	18	0	0
3	Trương Thị Thu Hương, 08/10/1979	001179017056		Tiến sĩ, 2023	QTKD	01/11/2011		0104014633	22	0	1
4	Dương Văn Hùng, 28/09/1988	001088003955		Tiến sĩ, 2023	QTKD	01/9/2012		0113031678	12	2	1
5	Vũ Đình Dũng, 09/9/1985.	006085003468		Tiến sĩ, 2019	QTKD	03/10/2022		0610000160	16	1	0

14.2. Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 2: Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đoàn Nam Chung	Triết học Mác - Lênin	003923	Học kỳ 1, năm 1	3		Giảng viên cơ hữu
	Đặng Thành Chung						Giảng viên cơ hữu
2	Phạm Thị Thu Thủy	Pháp luật đại cương	002018	Học kỳ 1, năm 1	2		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thế Mừng						Giảng viên cơ hữu
3	Nguyễn Như Quân	Xác suất thống kê	003657	Học kỳ 1, năm 1	2		Giảng viên cơ hữu
	Lê Thị Thúy						Giảng viên cơ hữu
4	Hà Hương Giang	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1, năm 1	3		Giảng viên cơ hữu
	Trịnh Tuấn						Giảng viên cơ hữu
5	Trương Thị Thu Hường	Kinh tế học quản lý	005218	Học kỳ 1, năm 1	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Dương Văn Hùng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
6	Đặng Thành Chung	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	Học kỳ 2, năm 1	2		Giảng viên cơ hữu
	Đoàn Nam Chung						Giảng viên cơ hữu
7	Hoàng Thị Kim Oanh	Tiếng Anh 1	003137	Học kỳ 2, năm 1	4		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Bích Liên						Giảng viên cơ hữu
8	Nguyễn Đăng Toàn	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Học kỳ 2, năm 1	2		Giảng viên cơ hữu
	Phạm Mạnh Hải						Giảng viên cơ hữu
9	Lê Hoàn	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Học kỳ 2, năm 1	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Thanh Tân						Giảng viên cơ hữu
10	Trương Thị Thu Hường	Quản trị học	002244	Học kỳ 2, năm 1	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vương Thị Hồng						Giảng viên cơ hữu
11	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Marketing căn bản	001671	Học kỳ 1, năm 2	2		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Cao Thị Phương Thủy						Giảng viên cơ hữu

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
12	Phạm Thị Thùy	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	Học kỳ 1, năm 2	2		Giảng viên cơ hữu
	Đoàn Nam Chung						Giảng viên cơ hữu
13	Hoàng Thị Kim Oanh	Tiếng Anh 2	004549	Học kỳ 1, năm 2	2		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Bích Liên						Giảng viên cơ hữu
14	Đinh Thị Lan	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 2, năm 1	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Ngọc Hiền						Giảng viên cơ hữu
15	Trương Thị Thu Hường	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Học kỳ 1, năm 2	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Ngọc Thía						Giảng viên cơ hữu
16	Nguyễn Ngọc Thía	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	Học kỳ 1, năm 2	2		Giảng viên cơ hữu
	Lê Anh Tuấn						Giảng viên cơ hữu
17	Trương Thị Thu Hường	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	002222	Học kỳ 1, năm 2	2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vũ Đình Dũng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
18	Đặng Thành Chung	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Học kỳ 2, năm 2	2		Giảng viên cơ hữu
	Cao Thị Thu Trà						Giảng viên cơ hữu
19	Lê Thị Mai Hương	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2, năm 2	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Thùy						Giảng viên cơ hữu
20	Nguyễn Ngọc Thía	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004691	Học kỳ 2, năm 2	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Vân Anh						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
21	Nguyễn Ngọc Thía	Tin học ứng dụng trong quản lý	003319	Học kỳ 2, năm 2	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Trung Hạnh						Giảng viên cơ hữu
22	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Hành vi người tiêu dùng	004874	Học kỳ 2, năm 2	3		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vương Thị Hồng						Giảng viên cơ hữu
23	Phan Duy Hùng	Marketing số	004858	Học kỳ 2, năm 2	3		Giảng viên cơ hữu

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Dương Văn Hùng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
24	Cao Thị Thu Trà	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Học kỳ 1, năm 3	2		Giảng viên cơ hữu
	Đoàn Thị Lệ Huyền						Giảng viên cơ hữu
25	Dương Văn Hùng	Quản trị thương hiệu	003891	Học kỳ 1, năm 3	2		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vũ Đình Dũng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
26	Dương Văn Hùng	Marketing quốc tế	005222	Học kỳ 1, năm 3	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Phan Duy Hùng						Giảng viên cơ hữu
27	Trương Thị Thu Hường	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	005215	Học kỳ 1, năm 3	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Ngọc Thía						Giảng viên cơ hữu
28	Vũ Đình Dũng	Marketing bán lẻ	005219	Học kỳ 1, năm 3		3	Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Thị Việt Ngọc						Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
29	Lê Anh Tuấn	Quản lý chiến lược	004871	Học kỳ 1, năm 3		4	Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Trung Hạnh						Giảng viên cơ hữu
30	Bùi Nhất Giang	Phân tích kinh doanh	004695	Học kỳ 1, năm 3		3	Giảng viên cơ hữu
	Trần Xuân Giao						Giảng viên cơ hữu
31	Nguyễn Thế Mừng	Luật kinh tế	001506	Học kỳ 1, năm 3		2	Giảng viên cơ hữu
	Ngô Thị Tuyết Thanh						Giảng viên cơ hữu
32	Phan Duy Hùng	Thương mại điện tử	003103	Học kỳ 1, năm 3		3	Chủ trì giảng dạy
	Trần Thanh Tuấn						Giảng viên cơ hữu
33	Nguyễn Ngọc Thía	Đề án môn học ngành Marketing	005216	Học kỳ 1, năm 3	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Việt Ngọc						Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
34	Nguyễn Thị Vân Anh	Quản lý nhân lực	002173	Học kỳ 2, năm 3	4		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vũ Đình Dũng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
35	Dương Văn Hùng	Quản lý vận hành	004728	Học kỳ 2, năm 3	4		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Trung Hạnh						Giảng viên cơ hữu
36	Nguyễn Thị Vân Anh	Khởi sự kinh doanh	004722	Học kỳ 2, năm 3	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Ngọc Thía						Giảng viên cơ hữu
37	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Nghiên cứu thị trường	005223	Học kỳ 2, năm 3	4		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Trương Thị Thu Hường						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
38	Vũ Đình Dũng	Marketing mạng xã hội	005221	Học kỳ 2, năm 3	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Dương Văn Hùng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
39	Vương Thị Hồng	Quan hệ công chúng	005224	Học kỳ 2, năm 3	3		Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Thị Việt Ngọc						Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
40	Vũ Đình Dũng	B2B Marketing	005213	Học kỳ 1, năm 4	3		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Phan Duy Hùng						Giảng viên cơ hữu
41	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Truyền thông tích hợp trong Marketing	005228	Học kỳ 1, năm 4	3		Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vương Thị Hồng						Giảng viên cơ hữu
42	Vũ Đình Dũng	Chiến lược Marketing	005214	Học kỳ 1, năm 4	4		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Mã học phần	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ		Giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT
					Bắt buộc	Tự chọn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Dương Văn Hùng						Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
43	Dương Văn Hùng	Thực hành môn học Marketing	005226	Học kỳ 1, năm 4	4		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Phan Duy Hùng						Giảng viên cơ hữu
44	Nguyễn Thị Vân Anh	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	005225	Học kỳ 1, năm 4		4	Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Ngọc Thía						Giảng viên cơ hữu
45	Lê Anh Tuấn	Quản lý chất lượng	004725	Học kỳ 1, năm 4		4	Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Ngọc Thía						Giảng viên cơ hữu
46	Nguyễn Trung hạnh	Quản lý dự án	004727	Học kỳ 1, năm 4		4	Giảng viên cơ hữu
	Nguyễn Ngọc Thía						Giảng viên cơ hữu
47	Trương Thị Thu Hường	Marketing dịch vụ	005220	Học kỳ 1, năm 4		2	Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Vương Thị Hồng						Giảng viên cơ hữu
48	Lê Anh Tuấn	Quản lý mua hàng	004873	Học kỳ 1, năm 4		4	Giảng viên cơ hữu
	Lê Thị Bích Lan						Giảng viên cơ hữu
49	Nguyễn Thị Vân Anh	Thực tập tốt nghiệp	005227	Học kỳ 2, năm 4	4		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Thị Việt Ngọc						Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
50	Nguyễn Thị Vân Anh	Khóa luận tốt nghiệp	005217	Học kỳ 2, năm 4	7		Giảng viên cơ hữu xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
	Nguyễn Thị Việt Ngọc						Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

14.3. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

14.3.1. Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo

- Phần mềm Hệ thống quản lý giáo dục (PMT-EMS education) dùng chung trong toàn trường hỗ trợ công tác đào tạo (thời khóa biểu, đăng ký môn học, điểm, quản lý chương trình đào tạo); công tác sinh viên (quản lý sinh viên, công thông tin sinh viên, khảo sát đánh giá sinh viên); công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng (tổ chức thi, chấm công giờ dạy).

- Phần mềm tổ chức thi trắc nghiệm phục vụ tổ chức thi kết thúc học phần.

- Cổng thông tin tuyển sinh tuyensinh.epu.edu.vn phục vụ cập nhật thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh online trích xuất ra thông tin đăng ký tuyển sinh của thí sinh.

- Cổng thông tin điện tử epu.edu.vn đưa thông tin tuyển sinh, thông báo để phục vụ công tác tuyển sinh của nhà trường.

14.3.2. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Hội trường + giảng đường + phòng học đa phương tiện	131	17,602	Máy chiếu	61	Dùng chung cho tất cả các học phần/môn học của tất cả các Khoa trong trường
				Màn hình TV + màn led	41	
				Thiết bị âm thanh (máy trợ giảng, amply + micro + loa)	57	
				Camera giám sát	75	
				Điều hòa không khí	269	
2	Phòng học máy tính	6	939	Máy chiếu	6	
				Máy chủ	10	
				Máy tính để bàn + xách tay	306	

14.3.3. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Hiện Khoa QTKD&DL sử dụng các thiết bị được Nhà trường trang bị dùng chung tại các phòng thực hành. Mỗi năm các phòng thực hành, thí nghiệm trên phục vụ các sinh viên với sĩ số lớp ở mỗi phòng thực hành không quá 25 sinh viên.

Bên cạnh đó, các phần mềm cũng được sử dụng trong quá trình sinh viên học tập và thực hành. Dưới đây là danh mục trang thiết bị, phần mềm, công cụ hỗ trợ:

Bảng 3: Danh mục trang thiết bị, phần mềm, công cụ hỗ trợ

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Địa điểm	Số lượng	Đơn vị quản lý	(6)	(7)	(8)	(9)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)				
1	Hệ thống camera	Cơ sở 1-ĐHDL	1	Phòng Hành chính quản trị	Tin học ứng dụng trong quản lý Quản lý nhân lực Thực hành môn học Marketing	Học kỳ 1, năm 3 Học kỳ 2, năm 3 Học kỳ 1, năm 4	20 người/máy	
2	Hệ thống mạng lan	Cơ sở 1-ĐHDL	4	Phòng Hành chính quản trị			100 người/thiết bị	
3	Máy chiếu + Màn chiếu	Cơ sở 1-ĐHDL	6	Phòng Hành chính quản trị			20 người/máy	
4	Máy chủ HPE ProLiant	Cơ sở 1-ĐHDL	2	Trung tâm thí nghiệm thực hành			100 người/thiết bị	
5	Máy tính để bàn	Cơ sở 1-ĐHDL	87	Trung tâm thí nghiệm thực hành			20 người/máy	
6	Máy tính để bàn Acer Intel Premium	Cơ sở 1-ĐHDL	23	Phòng Quản trị dịch vụ + khoa chuyên môn			20 người/máy	
7	Máy tính để bàn Acer Intel Vertion core i3	Cơ sở 1-ĐHDL	25	Phòng Quản trị dịch vụ + khoa chuyên môn			20 người/máy	
8	Máy tính để bàn Dell Vostro	Cơ sở 1-ĐHDL	30	Phòng Quản trị dịch vụ + khoa chuyên môn			20 người/máy	
9	Máy tính để bàn FPT - Elead	Cơ sở 1-ĐHDL	56	Trung tâm thí nghiệm thực hành			20 người/máy	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Địa điểm	Số lượng	Đơn vị quản lý				
10	Switch 24 port	Cơ sở 1-ĐHĐL	2	Phòng Hành chính quản trị			20 người/máy	
11	Thiết bị chuyển mạch	Cơ sở 1-ĐHĐL	6	Phòng Hành chính quản trị			100 người/thiết bị	
12	Thiết bị định tuyến	Cơ sở 1-ĐHĐL	2	Phòng Hành chính quản trị			100 người/thiết bị	
13	Thiết bị tường lửa	Cơ sở 1-ĐHĐL	2	Phòng Hành chính quản trị			100 người/thiết bị	
14	Tủ mạng 10U	Cơ sở 1-ĐHĐL	3	Phòng Hành chính quản trị			100 người/thiết bị	

14.3.4. Thư viện

- Diện tích sàn sử dụng cho Thư viện: 1.176m²
- Số chỗ ngồi: 200
- Số máy tính phục vụ tra cứu: 3
- Phần mềm quản lý: Libol 8.0
- Thư viện điện tử, thư viện số liên kết: <http://epu.tailieu.vn/>; <http://db.vista.gov.vn/>
- Số lượng sách: 42.848 cuốn

14.3.5. Danh mục giáo trình dùng trong chương trình đào tạo

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam, 2023	1	Triết học Mác - Lênin	003923	Học kỳ 1 năm 1	KMN2300431
2	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam, 2022	1	Pháp luật đại cương	002018	Học kỳ 1 năm 1	KMN1800129-33
3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam, 2008	55	Xác suất thống kê	003657	Học kỳ 1 năm 1	VN1102929-33, 408626-408675
4	Toán học Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2001	251	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1 năm 1	Vn1101823-2073
5	Toán học Cao Cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2002	125	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1 năm 1	Vn1102329-499
6	Giáo trình Kinh tế học, tập 1	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam, 2018	1	Kinh tế học quản lý	005218	Học kỳ 1 năm 1	KMV2300545
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam, 2021	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	Học kỳ 1 năm 2	KMN2300429
8	Empower (second	Adrian Doff &	Cambridge	1	Tiếng Anh	004549	Học kỳ 1	NN2201836

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	edition), B1-Student's book	Craig Thaine	University Press, England, 2022		2		năm 2	
9	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức Quang, Ngô Thị Thúy Ngân; Đinh Thị Lan	NXB Giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1 năm 2	KMV1900394
10	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	Nguyễn Tổ Tâm (chủ biên), Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Đức Quang, Ngô Thị Thúy Ngân; Đinh Thị Lan	NXB Giáo dục, 2018	1	Nguyên lý kế toán	001838	Học kỳ 1 năm 2	KMV1900395
11	Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh	Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 2017	1	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Học kỳ 1 năm 2	KMV2300520
12	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	Lê Anh Tuấn và Cộng sự	NXB Giáo dục Việt Nam, Việt Nam, 2012	5	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	Học kỳ 1 năm 2	KMV1800110,237, KMV1900387
13	Marketing căn bản	Philip Kotler. Dịch giả: Phan Thăng Phan Thăng- Vũ Thị Phụng – Giang Văn Chiến.	NXB Lao động xã hội, 2005.	1	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	002222	Học kỳ 1 năm 2	KML1800100

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, Việt Nam, 2021	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Học kỳ 1 năm 3	KMN2300427
15	Quản trị marketing	Trương Đình Chiến	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Việt Nam, 2014	2	Quản trị thương hiệu	003891	Học kỳ 1 năm 3	KMV1800363-64
16	Giáo trình Marketing quốc tế	PGS. Đinh Minh Tiên	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, 2022	1	Marketing quốc tế	005222	Học kỳ 1 năm 3	KMV2500628
17	AI cho marketing và đổi mới sản phẩm	A.K.Pradeep. Andrew Appel, Stan Stanunathan	NXB Dân Trí, 2022	1	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	005215	Học kỳ 1 năm 3	KMN2500495
18	Giáo trình quản trị chiến lược	Hà Sơn Tùng Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam, 2022	1	Quản lý chiến lược	004871	Học kỳ 1 năm 3	KMV2300559
19	Giáo trình Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Năng Phúc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam, 2011	1	Phân tích kinh doanh	004695	Học kỳ 1 năm 3	KMV1200076
20	Từ chiến lược Marketing đến doanh nghiệp thành công	Philip Kotler và Nancy Lee	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	1	Marketing bán lẻ	005219	Học kỳ 1 năm 3	KMN2500494

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
21	Pháp luật kinh tế	Lê Hợp Toàn, Dương Nguyệt Nga	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	1	Luật kinh tế	001506	Học kỳ 1 năm 3	KMV1800154-57
22	Thương mại điện tử	Phạm Thị Thanh Hồng	NXB Bách khoa, 2016	1	Thương mại điện tử	003103	Học kỳ 1 năm 3	KMV2300525
23	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013, .	1	Đề án môn học ngành Marketing	005216	Học kỳ 1 năm 3	KMN1800266-67
24	Tiếp thị 4.0 dịch chuyển từ truyền thống sang công nghệ số	Philip Kotler	NXB Trẻ, 2022	1	B2B marketing	005213	Học kỳ 1 năm 4	KMN2500496
25	Giáo trình Truyền thông Marketing tích hợp,	Trương Đình Chiến	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023, .	1	Truyền thông tích hợp trong Marketing	005228	Học kỳ 1 năm 4	KMV2500631
26	Chiến lược Marketing đỉnh cao	Dans. Kenedy	NXB Tổng hợp TP HCM, 2018.	1	Chiến lược Marketing	005214	Học kỳ 1 năm 4	KMN2500493
27	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2013	3	Thực hành môn học Marketing	005226	Học kỳ 1 năm 4	KMN1800266-67
28	Khủng hoảng không bắt đầu từ truyền thông	Lê Quốc Vinh	NXB Dân Trí, 2024	1	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền	005225	Học kỳ 1 năm 4	KMV2500632

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
					thông (Môn chọn)			
29	Quản trị chất lượng	Nguyễn Đình Phan và Đặng Ngọc Sự	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2020	1	Quản lý chất lượng	004725	Học kỳ 1 năm 4	kMV2300561
30	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2021	1	Quản lý dự án	004727	Học kỳ 1 năm 4	KMV1800123
31	Giáo trình marketing dịch vụ	TS. Nguyễn Thị Hoàng Yến	Nhà xuất bản thông tin và truyền thông, 2022	1	Marketing dịch vụ	005220	Học kỳ 1 năm 4	KMV2500633
32	Kiểm soát chi phí mua hàng và quản lý nhà cung cấp	Chu Vân và cộng sự	NXB Thanh Niên, Việt Nam, 2022	1	Quản lý mua hàng	004873	Học kỳ 1 năm 4	KMV2300528
33	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam, 2021	1	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	Học kỳ 2 năm 1	KMN2300430
34	Empower (second edition), B1-Student's book	Adrian Doff & Craig Thaine	Cambridge University Press, England, 2022	1	Tiếng Anh 1	003137	Học kỳ 2 năm 1	NN2201835
35	Chuyển dịch Năng lượng Việt Nam Cơ hội và Thách thức	Ban Kinh tế Trung ương	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002	1	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Học kỳ 2 năm 1	Đề nghị mua
36	Thống kê Năng	Chương trình Quốc	NXB Giao thông vận	1	Năng lượng	004552	Học kỳ 2	Đề nghị mua

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	lượng Việt Nam năm 2019	gia về sử dụng Năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	tải, 2019		cho phát triển bền vững		năm 1	
37	Tin học ứng dụng	Hàn Viết Thuận	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2012	1	Ứng dụng CNTT cơ bản	004547	Học kỳ 2 năm 1	KMN1200003
38	Quản trị học	Nguyễn Thị Thanh Dân - chủ biên	NXB Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam, 2021	1	Quản trị học	002244	Học kỳ 2 năm 1	KMV2300502,15
39	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2013	3	Marketing căn bản	001671	Học kỳ 2 năm 1	KMN1800266-67
40	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam, 2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Học kỳ 2 năm 2	KMN2300428
41	Tài chính doanh nghiệp	Stephen A. Ross	NXB Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, 2020	1	Quản lý tài chính	002208	Học kỳ 2 năm 2	KML2300309
42	Nguyễn Văn Hùng và cộng sự	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	, Nhà xuất bản Tài chính, 2022	1	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004871	Học kỳ 2 năm 2	KMV2300563
43	Tin học ứng dụng	Hàn Viết Thuận	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2012	1	Tin học ứng dụng trong quản lý	003319	Học kỳ 2 năm 2	KMN1200003
44	Giáo trình Hành vi	Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh	5	Hành vi	004874	Học kỳ 2	KMN1900282

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	người tiêu dùng		tế Quốc dân, Việt Nam, 2014		người tiêu dùng		năm 2	
45	Digital Marketing: Chiến lược là lược đi để chiến	Nguyễn Tiến Huy & Hoàng Anh Thư	NXB Trẻ, Việt Nam, 2022	1	Marketing số	004858	Học kỳ 2 năm 2	KMN2300448
46	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016	1	Quản lý nhân lực	002173	Học kỳ 2 năm 3	KMV1800258
47	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	Trương Đức Lực	NXB đại học Kinh Tế Quốc Dân, Việt Nam, 2017	5	Quản trị vận hành	004728	Học kỳ 2 năm 3	KMN1800086
48	Giáo trình khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2020),	NXB, ĐH Kinh tế quốc dân, 2020	1	Khởi sự kinh doanh	004722	Học kỳ 2 năm 3	KMV2300523
49	Giáo trình Nghiên cứu thị trường	Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2015	1	Nghiên cứu thị trường	005223	Học kỳ 2 năm 3	KMV2500629
50	Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0	Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0	NXB Thế giới, 2021	1	Marketing mạng xã hội	005221	Học kỳ 2 năm 3	KMN2500497
51	Giáo trình Quan hệ công chúng	PGS.TS Nguyễn Đình Toàn	NXB ĐHKQTĐ, 2024	1	Quan hệ công chúng	005224	Học kỳ 2 năm 3	KMV2500630
52	Quản trị marketing	Philip Kotler	Nhà xuất bản Thống kê, 2017	1	Thực tập tốt nghiệp ngành Marketing	005227	Học kỳ 2 năm 4	KML1800099
53	Giáo trình	Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh	3	Khóa luận	005217	Học kỳ 2	KMN1800266-67

STT	Tên sách, giáo trình chính	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong thư viện trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Marketing căn bản		tế Quốc dân, Việt Nam, 2013		tốt nghiệp ngành Marketing		năm 4	

14.3.6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

STT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong TV trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Việt Nam, 2006	5	Triết học Mác Lênin	003923	Học kỳ 1 năm 1	VN1106754-58
2	Giáo trình Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hợp Toàn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam, 2016	4	Pháp luật đại cương	002018	Học kỳ 1 năm 1	KMV1800154-57
3	Bài tập Xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn	NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, Việt Nam, 2013	57	Xác suất thống kê	003657	Học kỳ 1 năm 1	Vn1102745-51, VN1408676-725
4	Bài tập toán học Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2001	1	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1 năm 1	Vn1102074-328
5	Toán học Cao Cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục, Việt Nam, 2001	251	Toán cao cấp 2	004546	Học kỳ 1 năm 1	Vn1101823-2073
6	Bài tập kinh tế học vi mô	Nguyễn Đại Thắng	NXB Giáo Dục, Việt Nam, 2012	50	Kinh tế học quản lý	005218	Học kỳ 1 năm 1	Vv1100206-10

STT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong TV trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
7	Bài giảng Kinh tế vĩ mô	Nguyễn Văn Ngọc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Việt Nam, 2013	2	Kinh tế học quản lý	005218	Học kỳ 1 năm 1	Vv1100647-66
8	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, 2008	1	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	003926	Học kỳ 1 năm 2	VN1102986
9	English Grammar in Use Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng	Raymond Murphy	NXB Thời Đại, 2014	1	Tiếng Anh 2	004549	Học kỳ 1 năm 2	NN2001825
10	Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS - Tập 1	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Hồng Đức, Việt Nam, 2008	2	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Học kỳ 1 năm 2	KMV2300516-17
11	Phân Tích Dữ Liệu Nghiên Cứu Với SPSS - Tập 2	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Hồng Đức, Việt Nam, 2008	2	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	004557	Học kỳ 1 năm 2	KMV2300518-19
12	Bài tập tối ưu hóa	Bùi Minh Trí	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2008	15	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	004723	Học kỳ 1 năm 2	Vv1101594-608
13	Quản trị bán hàng	James M. Comer	NXB Hồng Đức, 2008	1	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	002222	Học kỳ 1 năm 2	KMD1800006
14	Một số chuyên đề lịch sử đảng cộng sản Việt Nam tập 1+2	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia, 2007	4, 3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	003928	Học kỳ 1 năm 3	VN1106767-70

STT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong TV trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
15	Giáo trình Nghiên cứu thị trường	Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang	Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM, 2015	1	Đề án môn học ngành Marketing	005216	Học kỳ 1 năm 3	KMV2500629
16	Digital Marketing chiến lược là lược đi để chiến	Nguyễn Tiến Huy, Hoàng Anh Thư	NXB Dân trí, 2022	2	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	005215	Học kỳ 1 năm 3	KMN2300448
17	Giáo trình Marketing du lịch	Hà Nam Khánh Giao	Nxb. Thông tin và Truyền thông, 2022	2	Marketing dịch vụ	005220	Học kỳ 1 năm 4	KMV2300507-08
18	Digital Marketing chiến lược là lược đi để chiến	Nguyễn Tiến Huy, Hoàng Anh Thư	NXB Dân trí, 2022	1	B2B marketing	005213	Học kỳ 1 năm 4	KMN2300448
19	Giáo trình Quản trị chiến lược	Hà Sơn Tùng, Ngô Kim Thanh	Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân, 2022	1	Chiến lược Marketing	005214	Học kỳ 1 năm 4	KMN2500493
20	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2013	3	Truyền thông Marketing tích hợp	005228	Học kỳ 1 năm 4	KMN1800266-67
21	Giáo trình Marketing quốc tế	PGS. Đinh Minh Tiên	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh, 2022	1	Thực hành môn học Marketing	005226	Học kỳ 1 năm 4	KMV2500628
22	Giáo trình Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao Động xã hội. 2009, Việt Nam	1	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông (Môn	005225	Học kỳ 1 năm 4	Vv1107032

STT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong TV trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
					chọn)			
23	Phát triển kinh doanh tiêu thụ nhờ thương hiệu	Hà Tất Thắng	NXB Lao động xã hội, 2008	5	Quản trị thương hiệu	003891	Học kỳ 1, năm 3	Vn1105316-20
24	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	Nguyễn Văn Hào (chủ biên) Nguyễn Đình Kháng	NXB Chính trị Quốc gia, 2004	5	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	003925	Học kỳ 2 năm 1	VN1106789-93
25	English Grammar in Use Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng	Raymond Murphy	NXB Thời Đại, 2014	1	Tiếng Anh 1	003137	Học kỳ 2 năm 1	NN2001825
26	Energy Manegement Handbook Sixth Edition	Wayne C.Tumer Steve Doty	The Fairmont Fress, England, 2007	1	Năng lượng cho phát triển bền vững	004552	Học kỳ 2 năm 1	KMNN1800059
27	Giáo trình quản trị học	Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Tài Chính, Việt Nam, 2013	3	Quản trị học	002244	Học kỳ 2 năm 1	VN1105047-49
28	Giáo trình Marketing căn bản	Nguyễn Thượng Thái	NXB Thông tin và Truyền thông, Việt Nam, 2010	1	Marketing căn bản	001671	Học kỳ 2 năm 1	Vv1100107-11
29	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Việt Nam, 2017	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	003505	Học kỳ 2 năm 2	KMN1800121-23
30	Giáo trình tài chính	Bùi Văn Văn	NXB Tài chính, Việt	1	Quản lý tài	002208	Học kỳ 2	KMV1800213

STT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong TV trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	doanh nghiệp		Nam, 2013		chính		năm 2	
31	Digital Marketing: Chiến lược là lược đi để chiến	Nguyễn Tiến Huy & Hoàng Anh Thư	NXB Trẻ, Việt Nam, 2022	1	Marketing số *	004858	Học kỳ 2 năm 2	KMV1800121
32	Tin học ứng dụng	Hàn Viết Thuận	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2012	1	Tin học ứng dụng trong quản lý	003319	Học kỳ 2 năm 2	KMN1200003
33	Giáo trình quản trị nhân lực	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Diễm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2022	1	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	004871	Học kỳ 2 năm 2	KMV2300562
34	Bài tập Quản trị tác nghiệp	Nguyễn Đình Trung	Nxb.Đại học KTQD, 2014, Việt Nam	1	Quản lý vận hành	004728	Học kỳ 2 năm 3	KMN1800097
35	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2016	1	Quản lý nhân lực	002173	Học kỳ 2 năm 3	KMV1800258
36	Bài giảng Quan hệ công chúng	Nguyễn Đình Toàn	Nxb.Đại học Kinh tế quốc dân	1	Quan hệ công chúng	005224	Học kỳ 2 năm 3	KMV2000418
37	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam, 2013	3	Nghiên cứu thị trường	005223	Học kỳ 2 năm 3	KMN1800266-67
38	Quản trị marketing	Philip Kotler	NXB Thống kê, 2017		Marketing bán lẻ	005219	Học kỳ 1 năm 3	KML1800099
39					Marketing quốc tế	005222	Học kỳ 1 năm 3	
40					B2B marketing	005213	Học kỳ 1 năm 4	

STT	Tên tài liệu tham khảo	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản sách trong TV trường	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
41					Quản trị thương hiệu	003891	Học kỳ 1, năm 3	
42					Hành vi người tiêu dùng	004874	Học kỳ 2 năm 2	
43					Marketing mạng xã hội	005219	Học kỳ 2 năm 3	
44	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Lưu Đan Thọ	NXB Tài chính, 2016	1	Khởi sự kinh doanh	004722	Học kỳ 2 năm 3	KMN1800163
45	Giáo trình Quản trị chiến lược	Ngô Kim Thanh	NXB KTQD, 2011, Việt Nam	1	Thực tập tốt nghiệp ngành Marketing	005227	Học kỳ 2 năm 4	KMV2300547
46					Khóa luận tốt nghiệp ngành Marketing	005217	Học kỳ 2 năm 4	

15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài
Danh sách các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học khác
được đối sánh làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo:

15.1 Trong nước:

TT	Tên trường	Chương trình đào tạo
1	Trường Đại học Cần Thơ	Marketing
2	Trường Đại học Thương mại	Marketing
3	Đại học Kinh tế quốc dân	Marketing
4	Trường Đại học Tài nguyên Môi trường	Marketing
5	Học viện công nghệ Bưu chính viễn thông	Marketing

15.2 Ngoài nước

TT	Tên trường	Quốc gia	Chương trình đào tạo
1	Davenport University	Mỹ	Marketing
2	Franklin University	Mỹ	Marketing
3	Soutampton University	Anh	Marketing

15.3 So sánh chương trình đào tạo (kèm theo phụ lục chi tiết các học phần)

STT	Trường/Loại kiến thức	Giáo dục đại cương	Cơ sở ngành	Kiến thức ngành	Kiến thức chuyên ngành - chuyên sâu	Tốt nghiệp	Tổng tín chỉ
1	Đại học Điện Lực	34	23	38	22	11	128
		27%	18%	30%	17%	9%	
2	Đại học Thương mại	40	30	39	12	10	131
		31%	23%	30%	9%	8%	
3	Đại học Kinh tế Quốc dân	44	15	42	18	10	129
		34%	12%	33%	14%	8%	
4	Đại học Cần Thơ	47	37	42	12	3	141
		33%	26%	30%	9%	2%	
5	Đại học Tài nguyên & Môi trường	35	14	54	18	12	133
		26%	11%	41%	14%	9%	
6	Học viện Bưu chính viễn thông	27	48	26	12	10	123
		22%	39%	21%	10%	8%	
7	Đại học Davenport	39	32	42	7	0	120
		33%	27%	35%	6%		
8	Đại học Franklin	28	16	48	29	0	121
		23%	13%	40%	24%		
9	Đại học Soutampton	33.75	22.5	60		15	131.25
		26%	17%	46%		11%	

Danh sách link tham khảo các CTĐT:

1. <https://marketing.tmu.edu.vn/tin-tuc/chuong-trinh-dao-tao-nganh-marketing-12185>
2. <https://khoamarketing.neu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/khoamarke ting/CTDT/K66/CT%C4%90T2023.pdf>
3. https://www.ctu.edu.vn/ctdt/k49/76_7340115_Marketing.pdf
4. <https://ptithcm.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-marketing>
5. <https://hunre.edu.vn/gioi-thieu-nganh-marketing.html>
6. <https://www.davenport.edu/academics/areas/business/bachelors-marketing>
7. <https://www.franklin.edu/degrees/bachelors/marketing>
8. <https://www.southampton.ac.uk/courses/marketing-degree-bsc#modules>

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing được xây dựng theo định hướng ứng dụng. Phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường ĐHĐL và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đào tạo được biên soạn đảm bảo sự liên thông với các ngành đào tạo khác. Khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo định hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình đào tạo và giám sát chất lượng chuyên môn sẽ do Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở các đơn vị tin chỉ đã được Hiệu trưởng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo phê duyệt, các Khoa, Bộ môn liên quan thực hiện và bổ sung, sửa đổi để cập nhật với chương trình đào tạo ngành Marketing

Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi. Đảm bảo nguyên tắc sinh viên học lại, học cải thiện cùng khóa sau, học vượt học cùng khóa trước.

Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được qui định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn; 40 giờ thực tập tại cơ sở; 80 giờ làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút; 1 giờ là 60 phút.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những đề xuất thay đổi về nội dung kiến thức sẽ đề xuất về đơn vị đầu mối trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét điều chỉnh. Trong từng giai đoạn cụ thể, các Khoa chuyên môn đề xuất đơn vị quản lý đào tạo thay đổi các học phần tự chọn sao cho phù hợp với sự phát triển của khoa học và công nghệ.

17. Tổ chức giảng dạy và học tập

17.1. Trường không chấp nhận các trường hợp cá nhân hoặc đơn vị tự ý đổi thời khóa biểu sau khi đã có danh sách lớp học phần. Để không ảnh hưởng đến lịch học cá nhân của sinh viên, trong trường hợp bất khả kháng Khoa/ Bộ môn có thể bố trí giảng viên cùng chuyên môn dạy thay buổi học đó hoặc giảng viên phải báo hủy lịch dạy, xin dạy bù vào thời gian thích hợp. Trường chỉ chấp nhận Phiếu báo bận của giảng viên kèm theo bản copy Quyết định của Hiệu trưởng cử giảng viên đi công tác, học tập... trong thời gian xin hủy lịch dạy. Ngoài ra, mọi thay đổi về thời khóa biểu thực hiện theo quy chế đào tạo hiện hành.

17.2. Trường có Ban thanh tra đào tạo để thanh tra, giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế đào tạo của giảng viên và sinh viên; có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của sinh viên về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần của Trường, kết quả khảo sát được xử lý theo quy định của Trường.

17.3. Căn cứ quy định về giảng dạy trực tuyến của Nhà trường, khoa Quản lý CTĐT đề xuất danh mục các học phần được tổ chức giảng dạy bằng hình thức trực tuyến; chiếm tối đa 30% tổng số tín chỉ các học phần trong CTĐT (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh). Lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học phương thức trực tiếp; các học phần giảng dạy trực tuyến phải quy định trong đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt.

17.4. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy hoặc hướng dẫn cho sinh viên các nội dung thí nghiệm, thực hành, các học phần đồ án, thực tập ...

a) Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của sinh viên, đối xử công bằng với sinh viên, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên; Tham gia quản lý đơn vị, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm và các công tác khác được Trường, Khoa, Bộ môn giao; Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy chế, quy định của Trường;

b) Giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần một cách khách quan, chính xác theo đúng đề cương chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy đã được ban hành;

c) Vận dụng linh hoạt và thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo truyền thụ cho sinh viên phương pháp luận, phát triển năng lực nhận thức, năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp;

d) Tham gia quản lý giờ học của sinh viên trên lớp, phòng thí nghiệm, nhà xưởng hoặc trên thực địa và hướng dẫn sinh viên thực tập học phần ngoài trường, tự học, tự nghiên cứu, bao gồm: Xác định và giao các vấn đề, nội dung, yêu cầu để sinh viên hoặc nhóm sinh viên chuẩn bị cho nghe giảng và thảo luận trên lớp, thực hành, thí nghiệm; Xác định và giao các nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên hoặc nhóm sinh viên;

17.5. Trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên

Phụ lục**Tài liệu tham khảo xây dựng chương trình****A. Các văn bản pháp lý**

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-ĐHĐL ngày 04 tháng 7 năm 2022 của trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy định xây dựng, rà soát và điều chỉnh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 2101/QĐ-ĐHĐL ngày 29 tháng 11 năm 2024 của trường Đại học Điện lực về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Marketing – mã ngành 7340115;

Căn cứ Quyết định số 2035/QĐ-ĐHĐL ngày 21 tháng 11 năm 2024 của trường Đại học Điện lực về việc xây dựng “Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Marketing- mã ngành 7340115”.

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-ĐHĐL ngày 29 tháng 11 năm 2024 của trường Đại học Điện lực về việc giao nhiệm vụ mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Marketing – mã ngành 7340115”.

Căn cứ Quyết định số 2102/QĐ-ĐHĐL ngày 29 tháng 11 năm 2024 của trường Đại học Điện lực về việc thành lập Tổ công tác xây dựng “Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Marketing – mã ngành 7340115”.

quan đến sinh viên:

a) Đơn vị quản lý đào tạo: Lập tiến độ đào tạo trong năm học, lên kế hoạch mở lớp học phần cho từng học kỳ, tiếp nhận phân công giảng dạy cho giảng viên từ các Khoa/Bộ môn; xếp thời khoá biểu từng học kỳ; tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần; chủ trì xét điều kiện cảnh báo học tập, thôi học; quản lý các bảng điểm gốc, kết quả học tập của sinh viên, bảng tổng hợp kết quả học tập của sinh viên theo Quyết định tốt nghiệp, tổ chức in ấn, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của hệ chính quy do Phòng Quản lý Đào tạo thực hiện; của hệ vừa làm vừa học do Trung tâm Đào tạo thường xuyên thực hiện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng: Tổ chức xây dựng và quản lý ngân hàng đề thi kết thúc học phần; xây dựng kế hoạch và tổ chức thi kết thúc học phần; khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của người học về học phần và giảng viên giảng dạy.

17.6. Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, đồ án, khoá luận và các hoạt động học tập khác. Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHĐL để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

a) Nghiên cứu kỹ chương trình đào tạo để đăng ký học phần chính xác; đáp ứng các điều kiện để được đăng ký học phần thành công.

b) Tham dự đầy đủ các giờ lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của sinh viên khi giảng viên yêu cầu.

c) Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, bài thi kết thúc học phần và hoàn thành báo cáo thực tập, thực hành, thí nghiệm theo quy định.

d) Thực hiện các quyền lợi và nghĩa vụ khác của sinh viên theo quy chế học sinh, sinh viên hiện hành.

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC**



PGS.TS. Đinh Văn Châu

Hà Nội, ngày 04. tháng 3. năm 2025
**KHOA QT KINH DOANH VÀ DU LỊCH
TRƯỞNG KHOA**

PGS.TS. Lê Anh Tuấn

Bảng đối sánh CTĐT của trường Đại học Điện lực với CTĐT của các trường nước ngoài

Đại học Điện Lực				Đại học Soutampson		Đại học Franklin		Đại học Davenport	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
1	004546	Toán cao cấp 2	3					College Mathematics or Intermediate Algebra	
2	003657	Xác suất thống kê	2			Statistical Concepts	4	Introduction to Statistics	
3	001924	Triết học Mác - Lênin	3						
4	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2						
5	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2						
6	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2						
7	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2						
8	002018	Pháp luật đại cương	2						
9	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3						
10	003137	Tiếng Anh 1	4						
11	004549	Tiếng Anh 2	4						
12	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2						
13	002244	Quản trị học	3	Introduction to Management	4	Principles of Management	4	Management Foundations	
		Kiến thức cơ sở ngành							
14	005218	Kinh tế học quản lý	3			Introduction to Macroeconomics	4	Microeconomics	
						Introduction to Microeconomics	4	Macroeconomics	
15	002208	Quản lý tài chính	3	Introduction to Accounting and Finance	4	Principles of Finance	4	Corporate Finance	
16	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3						

Đại học Điện Lực				Đại học Soutampson		Đại học Franklin		Đại học Davenport	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
17	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3						
18	001671	Marketing căn bản	2	Introduction to Marketing	4	Marketing	4	Marketing Foundations	
19	004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2						
20	005214	Chiến lược Marketing	4	Marketing Strategy	4	Public Relations & Promotional Strategy	4	Strategic Marketing	
21	003891	Quản trị thương hiệu	3	Strategic Brand Management	4			Digital Brand Engagement	
		<i>Kiến thức ngành</i>							
		<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>							
22	002173	Quản lý nhân lực	4	Human Resource Management (Optional)	4				
23	003319	Tin học ứng dụng trong quản lý	3						
24	004728	Quản trị vận hành	4						
25	004722	Khởi sự kinh doanh	3						
26	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2					Professional Selling	
27	004874	Hành vi người tiêu dùng	3	Consumer Behaviour	4	Consumer Behavior	4	Consumer Behavior	
28		Marketing quốc tế	3			Global Marketing	4	International Marketing	
29	004858	Marketing số	3	Digital Marketing	4	Digital Marketing	4	Digital Marketing	
				Advanced Digital Marketing	4				
30	005215	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	3	Digital Technologies in Business (Optional)	4				
31	005223	Nghiên cứu thị trường	4	Marketing Research	4	Marketing Research	4	Marketing Research	
		<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>	3						

Đại học Điện Lực				Đại học Soutampson		Đại học Franklin		Đại học Davenport	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
32	000837	Hành vi tổ chức	2						
33	005219	Marketing bán lẻ	3					Digital Retailing	
34	001506	Luật kinh tế	2	Commercial Law (Optional)	4	Business Law	4	Business Law Foundations	
35	003103	Thương mại điện tử	3					eBusiness Foundations	
36	005216	Đề án môn học ngành Marketing	3	Marketing Practice-Based Project (Optional)	8	Special Topics in Marketing	1-4		
		Kiến thức chuyên ngành							
		Kiến thức chuyên ngành bắt buộc							
37	005213	B2B Marketing	3						
38	005221	Marketing mạng xã hội	3			Social Media Marketing	4	Social Media Strategies	
39	005224	Quan hệ công chúng	3			Public Relations	4	Public Relations	
40	005228	Truyền thông Marketing tích hợp	3	Marketing Communications and Media Management	4	Integrated Marketing	4		
41	005220	Marketing dịch vụ	2					Marketing of Services	
42	005226	Thực hành môn học Marketing	4					Field Experience in Business or Marketing BBA Internship	
		Kiến thức chuyên ngành tự chọn							
43	005225	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	Risk Management (Optional)	4				
44	004725	Quản lý chất lượng	4						
45	004727	Quản lý dự án	4	Project Management (Optional)	4			Principles of Project Management	
46	004721	Kế toán trong kinh doanh	2			Financial/Managerial Accounting for Non-Majors	4	Accounting Foundations I & II	
47	004873	Quản lý mua hàng	4						
48	005227	Thực tập tốt nghiệp	4			Marketing Internship	1-4		

Đại học Điện Lực				Đại học Soutampson		Đại học Franklin		Đại học Davenport	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
49	005217	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	7	Dissertation (Optional/Core)	8				
				Realising Success	0	College Writing	4	Achieving Career and Education Success	
				Foundations of Business Analytics (Optional)	4	Interpersonal Communication	4	Presentation Techniques	
				Management Analysis (Optional)	4	Speech Communication	4	Introduction to Data Analytics	
				Analytics Implementation I (Optional)	4	Business & Professional Writing	4	Composition	
				Ideas that Shape the Contemporary World	4	Advertising & Promotion	4	Advanced Composition	
				Foundations of Marketing Analytics	4	Search Engine Marketing	4	Professional Writing	
				Entrepreneurial Management (Optional)	4	Digital Marketing Analytics	4	Diversity in Society	
				Management Ethics (Optional)	4	Digital Design	1	Humanities Elective	
				Entrepreneurial Marketing	4	Intro to Web Presentation & Publishing	1	Social Science Elective	
				Sustainable Marketing (Optional)	4	Media Design	3	Microcomputer Applications: Spreadsheet	
				Making Successful Decisions (Optional)	4	Fundamentals of Graphic Design	4	Professional Ethics	
				Prescriptive Analytics II (Optional)	4	Advanced Graphic Design	4	Requirements Planning and Development	
				Business Placement	0	Digital Media Design	4	Search Engine Marketing & Analytics	
				Measuring Marketing Effectiveness	4	Interactive Media for Advertising	4		
				Customer Insight	4				
				Advanced Marketing Analytics	4				

Đại học Điện Lực				Đại học Soutampson		Đại học Franklin		Đại học Davenport	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
				Corporate Social Responsibility (Optional)	4				
				New Venture Development (Optional)	4				

Bảng đối sánh CTĐT của trường Đại học Điện lực với CTĐT của các trường trong nước

Đại học Điện Lực				Đại học Thương mại		Học viện Bưu chính viễn thông	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
1	004546	Toán cao cấp 2	3	Toán đại cương	3	Toán cao cấp 2	3
2	003657	Xác suất thống kê	2			Lý thuyết xác suất và thống kê	3
3	001924	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác-Lênin	2
4	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	Kinh tế chính trị Mác- Lenin	2
5	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
6	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ chí Minh	2
7	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
8	002018	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	3
9	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3	Chuyển đổi số trong kinh doanh	2	Tin học cơ sở 1	3
10	003137	Tiếng Anh 1	4	Tiếng Anh 1	2	Tiếng Anh Course 1	3
11	004549	Tiếng Anh 2	4	Tiếng Anh 2	2	Tiếng Anh Course 2	3
				Tiếng Anh 3	2	Tiếng Anh Course 3	3
12	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2				
13	002244	Quản trị học	3	Quản trị học	3	Quản trị học	3
		Kiến thức cơ sở ngành					
14	005218	Kinh tế học quản lý	3	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vi mô 1	3
				Kinh tế vi mô 1	3	Kinh tế vĩ mô 1	3
15	002208	Quản lý tài chính	3	Nhập môn tài chính-tiền tệ	3		

Đại học Điện Lực				Đại học Thương mại		Học viện Bưu chính viễn thông	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
16	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3				
17	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	Xã hội học đại cương	2		
18	001671	Marketing căn bản	2	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3.5
19	004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2			Toán kinh tế	3
20	005214	Chiến lược Marketing	4	Quản trị chiến lược	3		
21	003891	Quản trị thương hiệu	3	Quản trị thương hiệu 1	3	Quản trị thương hiệu	3
		<i>Kiến thức ngành</i>		Quản trị thương hiệu 2	3		
		<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>		Quản trị thương hiệu điện tử	2		
22	002173	Quản lý nhân lực	4	Quản trị nhân lực căn bản	3		
23	003319	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	Tin học quản lý	3		
24	004728	Quản trị vận hành	4				
25	004722	Khởi sự kinh doanh	3	Khởi sự kinh doanh	2		
26	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2				
27	004874	Hành vi người tiêu dùng	3	Hành vi khách hàng	3	Hành vi khách hàng	3.5
28		Marketing quốc tế	3	Marketing quốc tế	3		
29	004858	Marketing số	3	Marketing số	3	E- Marketing	3.5
30	005215	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	3				
31	005223	Nghiên cứu thị trường	4	Nghiên cứu marketing	3		
		<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>	3				
32	000837	Hành vi tổ chức	2				
33	005219	Marketing bán lẻ	3	Marketing thương mại*	3		
34	001506	Luật kinh tế	2	Luật kinh tế 1	3	Luật kinh doanh	3
35	003103	Thương mại điện tử	3	Thương mại điện tử căn bản	3	Thương mại điện tử	3.5

Đại học Điện Lực				Đại học Thương mại		Học viện Bưu chính viễn thông	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
36	005216	Đề án môn học ngành Marketing	3				
		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>					
		<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>					
37	005213	B2B Marketing	3	Marketing B2B	3		
38	005221	Marketing mạng xã hội	3			Marketing qua phương tiện truyền thông xã hội	4
39	005224	Quan hệ công chúng	3	Quản trị PR	3		
40	005228	Truyền thông Marketing tích hợp	3	Truyền thông marketing*	3	Truyền thông marketing tích hợp	3.5
41	005220	Marketing dịch vụ	2	Marketing du lịch	3	Marketing dịch vụ	3.5
42	005226	Thực hành môn học Marketing	4				
		<i>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>					
43	005225	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4				
44	004725	Quản lý chất lượng	4	Quản trị chất lượng	3		
45	004727	Quản lý dự án	4			Quản lý dự án	3.5
46	004721	Kế toán trong kinh doanh	2	Nguyên lý kế toán	3	Kế toán quản trị	3
47	004873	Quản lý mua hàng	4				
48	005227	Thực tập tốt nghiệp	4	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	3		
49	005217	Khóa luận tốt nghiệp	7	Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp	7		
				Quản trị tri thức	3		
						Tiếng Anh Course 3 Plus	3
				Sáng tạo và thiết kế nội dung	3	Tin học cơ sở 3	3
				Quản trị chuỗi cung ứng	3	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
				Quản trị Logistics kinh doanh	3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3

Đại học Điện Lực				Đại học Thương mại		Học viện Bưu chính viễn thông	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
				Quản trị chiến lược toàn cầu	3	Kinh tế lượng	3
				Marketing thương mại*	3	Các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp	3.5
				Marketing ngân hàng	3	Internet và ứng dụng trong kinh doanh	3.5
				Tiếng Anh thương mại 1	2	Phát triển và ứng dụng web trong marketing	3.5
				Tiếng Anh thương mại 2	2	Quản trị cơ sở dữ liệu kinh doanh	3.5
				Tuyển dụng nhân lực	2	Ứng dụng đa phương tiện trong kinh doanh	3.5
				Quản trị công nghệ	3	Quản trị marketing	3.5
				Kinh tế lượng	3	Phương pháp nghiên cứu marketing	3.5
				Quản trị marketing 1	3	Marketing công nghiệp	3.5
				Quản trị marketing 2	3	Nguyên lý kế toán	3
				Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Quản trị bán hàng	3
				Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	Phân tích hoạt động kinh doanh	3
				Quản trị dịch vụ	3	Phân tích web	4
						Tổng quan về biên tập web	4
						Marketing bằng công cụ tìm kiếm	4
						Đề án: Kế hoạch Internet marketing	4
						Kỹ năng thuyết trình	3
						Kỹ năng làm việc nhóm	3
						Kỹ năng tạo lập Văn bản	3
						Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	3
						Kỹ năng giao tiếp	3
						Kỹ năng giải quyết vấn đề	3
						Kỹ năng tư duy sáng tạo	3

Đại học Điện Lực				Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Cần Thơ		Đại học Tài nguyên Môi trường	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
1	004546	Toán cao cấp 2	3			Toán kinh tế 1	3		
2	003657	Xác suất thống kê	2			Xác suất thống kê	3		
3	001924	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lê Nin	3	Triết học Mác - Lênin	3	Triết học Mác - Lênin	3
4	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
5	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
6	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
7	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
8	002018	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	3	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật đại cương	2
9	004547	Ứng dụng CNTT cơ bản	3			Tin học căn bản (*)	1	Tin học đại cương	2
10	003137	Tiếng Anh 1	4	Ngoại ngữ	9	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Tiếng Anh 1	3
11	0034549	Tiếng Anh 2	4			Anh văn căn bản 2 (*)	3	Tiếng Anh 2	3
						Anh văn căn bản 3 (*)	3	Tiếng Anh 3	2
12	004552	Năng lượng cho phát triển bền vững	2						
13	002244	Quản trị học	3			Quản trị học	3	Quản trị học	3
		Kiến thức cơ sở ngành							
14	005218	Kinh tế học quản lý	3	Kinh tế vi mô 1	3	Kinh tế vi mô 1	3	Kinh tế vĩ mô	3
				Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vĩ mô 1	3	Kinh tế vi mô	3
15	002208	Quản lý tài chính	3	Quản trị tài chính	3	Tài chính - Tiền tệ	3	Tài chính - Tiền tệ	2
16	004691	Kỹ năng quản lý và lãnh đạo	3						
17	004557	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	3	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		
18	001671	Marketing căn bản	2	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3	Marketing căn bản	3

Đại học Điện Lực				Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Cần Thơ		Đại học Tài nguyên Môi trường	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
19	004723	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	2	Toán cho các nhà kinh tế	3	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2	Toán kinh tế	2
20	005214	Chiến lược Marketing	4	Quản trị chiến lược	3				
21	003891	Quản trị thương hiệu	3	Quản trị thương hiệu	3	Quản trị thương hiệu	3	Quản trị thương hiệu	3
		Kiến thức ngành							
		<i>Kiến thức ngành bắt buộc</i>							
22	002173	Quản lý nhân lực	4	Quản trị nhân lực	3				
23	003319	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	Tin học ứng dụng	3				
24	004728	Quản trị vận hành	4	Quản trị vận hành	3				
25	004722	Khởi sự kinh doanh	3			Khởi sự doanh nghiệp	3	Khởi sự kinh doanh	2
26	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2						
27	004874	Hành vi người tiêu dùng	3	Hành vi người tiêu dùng	3	Hành vi khách hàng	2	Tâm lý và hành vi khách hàng	2
28		Marketing quốc tế	3	Marketing quốc tế	3	Marketing quốc tế	3	Marketing quốc tế	3
29	004858	Marketing số	3	Marketing Công nghệ số	3	Digital Marketing	2	Digital Marketing	3
30	005215	Công cụ số và trí tuệ nhân tạo trong marketing	3						
31	005223	Nghiên cứu thị trường	4	Nghiên cứu Marketing	3	Nghiên cứu marketing	3	Nghiên cứu marketing	2
		<i>Kiến thức ngành tự chọn</i>	3						
32	000837	Hành vi tổ chức	2			Hành vi tổ chức	2		
33	005219	Marketing bán lẻ	3	Marketing bán lẻ	3				
34	001506	Luật kinh tế	2			Luật kinh tế	2		
35	003103	Thương mại điện tử	3			Thương mại điện tử	2	Thương mại điện tử	2
36	005216	Đề án môn học ngành Marketing	3	Đề án Ngành Marketing	3	Chuyên đề Marketing	2		

Đại học Điện Lực				Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Cần Thơ		Đại học Tài nguyên Môi trường	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>							
		<i>Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>							
37	005213	B2B Marketing	3	Marketing khách hàng tổ chức	3				
38	005221	Marketing mạng xã hội	3						
39	005224	Quan hệ công chúng	3	Quan hệ công chúng	3	Quan hệ công chúng	2	Quan hệ công chúng	2
40	005228	Truyền thông Marketing tích hợp	3	Truyền thông Marketing tích hợp	3			Truyền thông Marketing tích hợp	3
41	005220	Marketing dịch vụ	2	Marketing dịch vụ	3			Marketing thương mại và dịch vụ	2
42	005226	Thực hành môn học Marketing	4			Kiến tập Marketing	2		
		<i>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>							
43	005225	Quản trị rủi ro và xử lý khủng hoảng truyền thông	4	Quản trị rủi ro	3	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3		
44	004725	Quản lý chất lượng	4						
45	004727	Quản lý dự án	4						
46	004721	Kế toán trong kinh doanh	2			Kế toán quản trị 1	3		
47	004873	Quản lý mua hàng	4						
48	005227	Thực tập tốt nghiệp	4			Luận văn tốt nghiệp - Marketing	10	Thực tập tốt nghiệp	6
49	005217	Khóa luận tốt nghiệp	7	Khóa luận tốt nghiệp	10	Tiểu luận tốt nghiệp - Marketing	4	Khóa luận tốt nghiệp	6
				Nguyên lý kế toán	3			Kinh tế số	2
				Quản trị kinh doanh 1	3	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Lý thuyết truyền thông	3
				Quản trị Marketing	3	Anh văn tăng cường 2	3	Nguyên lý kế toán	3

Đại học Điện Lực				Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Cần Thơ		Đại học Tài nguyên Môi trường	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
						(*)			
				Quản trị sản phẩm	3	Anh văn tăng cường 3 (*)	3	Quản trị Marketing	3
				Quản trị giá	3	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Quản trị bán hàng	3
				Quản trị kênh phân phối	3	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Tiếng Anh chuyên ngành	3
				Tiếng Anh ngành Marketing	3	Pháp văn căn bản 3 (*)	3		
				Quản trị quảng cáo	3	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4		
				Quản trị bán hàng	3	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		
				Quản trị quan hệ khách hàng	3	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3		
				Marketing chiến lược	3	Thực hành Tin học căn bản (*)	2		
				Marketing xã hội	3	Kỹ năng giao tiếp	2		
				Marketing dịch vụ công	3	Xã hội học đại cương	2		
				Marketing địa phương	3	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2		
				Kỹ năng bán hàng	3	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2		
				Xúc tiến bán	3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	3		
				Phân tích dữ liệu	3	Nguyên lý kế toán	3		
				Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	3	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2		

Đại học Điện Lực				Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Cần Thơ		Đại học Tài nguyên Môi trường	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
				Trực quan hóa dữ liệu trong kinh doanh	3	Tâm lý quản lý	2		
				Phương tiện và thông diệp truyền thông	3	Kinh tế quốc tế	3		
				Tổ chức sự kiện	3	Kinh tế học hành vi	3		
						Kinh tế lượng	3		
						Quản trị sự thay đổi	2		
						Quản trị Marketing	3		
						Marketing thương mại	3		
						Chiêu thị và truyền thông Marketing	2		
						Quản trị bán hàng	2		
						Kỹ thuật đàm phán	2		
						Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2		
						Anh văn thương mại 1	3		
						Marketing nông nghiệp	3		
						Marketing ngân hàng	3		
						Marketing du lịch	3		
						Quản trị quan hệ khách hàng	2		
						Marketing địa phương	2		
						Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
						Mô phỏng tình huống trong kinh doanh	3		
						Dự báo kinh tế	3		

Đại học Điện Lực				Đại học Kinh tế quốc dân		Đại học Cần Thơ		Đại học Tài nguyên Môi trường	
TT	Mã HP	Nội dung kiến thức/ tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC	Nội dung kiến thức/tên học phần	TC
						Quảng cáo chuyên nghiệp	3		
						Marketing trực tiếp	3		

MỤC LỤC

1. Thông tin về chương trình đào tạo	1
2. Mục tiêu của chương trình đào tạo (PEO).....	1
3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Marketing.....	2
3.1. Chuẩn đầu ra.....	2
4. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	3
5. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ.....	4
6. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo	4
7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:	4
8. Sơ đồ về mối liên hệ giữa các học phần trong chương trình đào tạo.....	5
9. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình ...	6
10. Tổ chức giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp	9
11. Cấu trúc chương trình đào tạo	9
12. Kế hoạch đào tạo dự kiến theo từng kỳ	11
13. Mô tả tóm tắt các học phần.....	15
14. Điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình đào tạo.....	27
15. Đối sánh chương trình đào tạo của các trường trong nước và nước ngoài.....	49
16. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	50
17. Tổ chức giảng dạy và học tập	51
Phụ lục	53
BẢNG KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT	69

BẢNG KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT

STT	Danh mục viết tắt	Nguyên nghĩa
1	BCCĐ	Báo cáo chuyên đề
2	BGD&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	ĐHĐL	Đại học Điện lực
5	KĐCL	Kiểm định chất lượng
6	NXB	Nhà xuất bản
7	PEO	Mục tiêu của chương trình đào tạo
8	PLO	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
9	PMT-EMS Education	Phần mềm hệ thống quản lý giáo dục
10	QĐ	Quyết định
11	QTKD	Quản trị kinh doanh
12	TC	Tín chỉ
13	THPT	Trung học phổ thông
14	TN	Trắc nghiệm